SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100367361 (trước là 0103024767) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, sửa đổi lần 05 ngày 30 tháng 08 năm 2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số……../ĐKNY do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng. . . năm 2010)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

Địa chỉ : Số 352 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại : (84 – 4) 35740348 Fax: (84 – 4) 38520507
Website : www.thaihoacoffee.com
Email : thaihoa@thaihoacoffee.com

Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

Địa chỉ : Số 14 Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại : (84 - 4) 35730200 Fax: (84 - 4) 35771966
Website : www.apec.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Nguyễn Văn An
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84 – 4) 35740348

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100367361 (trước là 0103024767) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/05/2008, sửa đổi lần 05 ngày 30 tháng 08 năm 2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá :	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ:	550.000.000.000 *(Năm trăm năm mươi tỷ)* đồng
Tổng số lượng niêm yết:	55.000.000 *(Năm mươi lăm triệu)* cổ phần
Tổng giá trị ĐKNY:	550.000.000.000 *(Năm trăm năm mươi tỷ)* đồng

Tổ chức kiểm toán: **Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)**

Địa chỉ	: 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại	: (84-4) 38689566
Fax	: (84-4) 38686248
Website	: www.kiemtoanava.com.vn
Email	: ava@kiemtoanava.com.vn

Tổ chức tư vấn:Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

Địa chỉ	: Số 14 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	: (84 - 4) 3 573 0200
Fax	: (84 - 4) 3 577 1966
Website	: www.apec.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6
1.2. Lạm phát 7
1.3. Lãi suất 7
1.4. Tỷ giá hối đoái 8
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 8
3.1. Rủi ro về điều kiện thiên nhiên 9
3.2. Rủi ro trong hoạt động đầu tư 9
3.3. Rủi ro biến động giá cà phê thế giới 10
4. Rủi ro khác 10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 11
1. Tổ chức niêm yết 11
2. Tổ chức tư vấn 11
III. CÁC KHÁI NIỆM 11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 13
1.1. Quá trình hình thành và phát triển 13
1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty: 15
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 20
3.1. Đại hội đồng cổ đông 20
3.2. Hội đồng quản trị 20
3.3. Ban kiểm soát 20
3.4. Ban Tổng Giám đốc 21
3.5. Các phòng ban chức năng 21
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông 23
4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/11/2010 23
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 05/11/2010 23
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến ngày 05/11/2010 24

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết ..24
5.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết ..24
5.2. Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết ..24
6. Hoạt động kinh doanh ..29
6.1. Sản phẩm và dịch vụ chính ..29
6.2. Nguyên vật liệu ..33
6.3. Chi phí kinh doanh ..35
6.4. Trình độ công nghệ ..36
6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ ..40
6.6. Hoạt động Marketing ..43
6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền ..44
6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết ..46
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ..47
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty ..47
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo ..51
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành ..54
8.1. Vị thế của công ty trong ngành ..54
8.2. Triển vọng phát triển của ngành ..56
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới ..58
9. Chính sách đối với người lao động ..59
9.1. Số lượng người lao động trong công ty ..59
9.2. Chính sách chế độ đối với người lao động ..59
10. Chính sách cổ tức ..60
11. Tình hình hoạt động tài chính ..61
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản ..61
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu ..70
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ..71
12.1. Hội đồng quản trị ..71
12.2. Ban Tổng Giám đốc ..76
12.3. Ban kiểm soát ..76
12.4. Kế toán trưởng ..79
13. Tài sản ..80

13.1. Tài sản cố định 80
13.2. Đất đai 85
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 88
14.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch trong các năm 2010-2013 88
14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 89
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 91
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết 92
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết 92
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 92
1. Loại chứng khoán 92
2. Mệnh giá 92
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 92
4. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 92
4.1. Đối với cổ đông sáng lập 92
4.2. Đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, Kế toán trưởng 93
5. Phương pháp tính giá 94
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 94
7. Các loại thuế và ưu đãi đầu tư có liên quan 95
7.1. Đối với Công ty 95
7.2. Đối với các nhà đầu tư 96
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 97
1. Tổ chức tư vấn 97
2. Tổ chức kiểm toán 97
VII. PHỤ LỤC 97
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 97
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết 97
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và 8 tháng 2010 97
4. Phụ lục IV: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng; Danh sách những người có liên quan 97
5. Phụ lục V: Một số cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết 97
6. Các phụ lục khác 97

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ...Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, những năm trở lại đây Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định. Giai đoạn 2003 – 2007, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 8,01%. Năm 2008, do ảnh hưởng chung từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,23% và năm 2009 đạt 5,32%. Trong 9 tháng đầu năm 2010, kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh ở mức 6,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy rằng nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu hồi phục dù còn đối mặt với rất nhiều khó khăn. Chính sách của Nhà nước là vẫn giữ vững tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại nên kết quả kinh doanh của Công ty cũng giống như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế, chịu ảnh hưởng bởi nền kinh tế vĩ mô. Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, ban lãnh đạo công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.2. Lạm phát

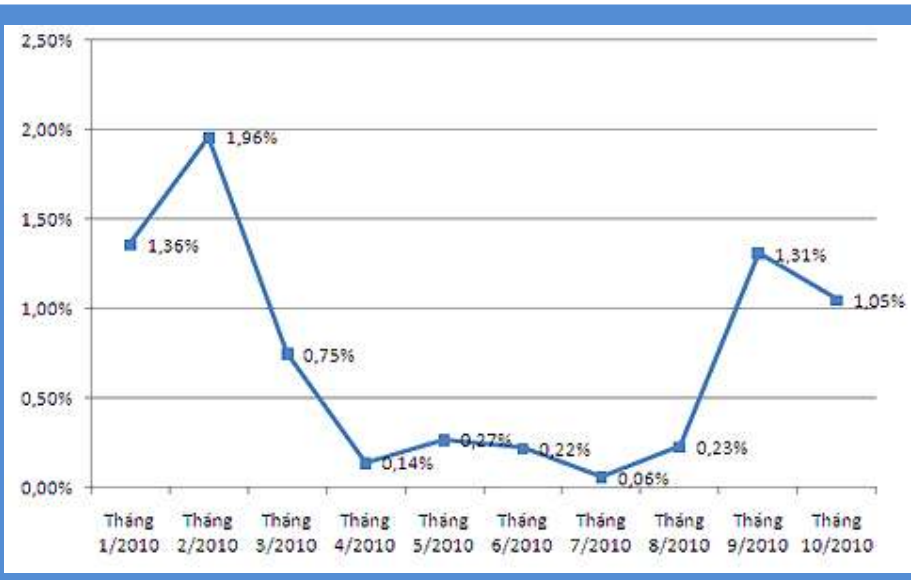

Diễn biến giá tiêu dùng kể từ đầu năm 2010. Số liệu: *GSO*

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2010 tăng 1,96% so với tháng 01/2010, chỉ số giá tiêu dùng tháng 03/2010 tăng 0,75% so với tháng 2/2010, mức tăng này là cao so với những tháng trước có nguyên nhân từ quy luật mùa vụ của dịp Tết, giá lương thực, thực phẩm tăng, giá vật liệu xây dựng và vận tải tăng, sắp tới là việc tăng giá xăng và giá điện (các yếu tố tác động đến chi phí sản xuất).

Chỉ số giá tiêu dùng ở những tháng giữa năm 2010 bình ổn, tác động tích cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ số giá tiêu dùng từ tháng 8 năm 2010 tới nay có xu hướng tăng mạnh hơn chủ yếu là do mức tăng giá trong lĩnh vực giáo dục (do tháng 9 là thời điểm bắt đầu năm học mới) và dịch vụ ăn uống. Tuy nhiên, các nguyên nhân này không ảnh hưởng nhiều đến các chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty nên không có tác động lớn đến hoạt động của Công ty.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.3. Lãi suất

Từ năm 2008 trở lại đây, tình hình lãi suất của Việt Nam diễn ra rất phức tạp với hàng loạt điều chỉnh. Việc nới lỏng chính sách tiền tệ, nhất là cơ chế hỗ trợ lãi suất của Chính phủ trong năm 2009 nhằm mục tiêu kích cầu đã đem lại những kết quả nhất định cho sự phục hồi của nền kinh tế. Tuy nhiên, với dấu hiệu lạm phát trong những tháng cuối năm 2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thông báo tăng lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam lên mức 8%/năm, áp dụng từ

ngày 01/12/2009. Quyết định điều chỉnh lãi suất nói trên được đánh giá như một động thái thắt chặt tiền tệ, nhằm mục tiêu góp phần duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, chủ động đối phó với diễn biến phức tạp của thị trường tài chính và kinh tế thế giới. Việc tăng lãi suất đồng Việt Nam này đã làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng cao do trong năm 2009, tỷ trọng dư nợ bằng tiền VND của Công ty lớn.

Đến tháng 9/2010, Ngân hàng Nhà nước công bố giữ nguyên mức lãi suất 8%/năm. Điều này có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thêm vào đó, tận dụng nguồn USD thu từ xuất khẩu Công ty đã thực hiện vay tín dụng bằng USD mới mức lãi suất thấp hơn vay bằng tiền VND để giảm chi phí lãi vay cho Công ty.

(Nguồn: www.sbv.gov.vn)

1.4. Tỷ giá hối đoái

Xuất khẩu cà phê thô chiếm gần 90% trong tổng doanh thu từ hàng hóa và dịch vụ của Công ty. Chính vì thế, sự biến động tỷ giá sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, đồng USD có xu hướng tăng giá so với VND nên hoạt động xuất khẩu nói chung có nhiều thuận lợi. Lợi nhuận của Công ty được gia tăng do các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá.

Do có nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động xuất khẩu nên Công ty thực hiện vay vốn tín dụng bằng ngoại tệ để giảm thiểu rủi ro về chênh lệch tỷ giá và giảm chi phí lãi vay.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đồng thời chuẩn bị niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký niêm yết. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về điều kiện thiên nhiên

Không giống với các công ty xuất khẩu và kinh doanh cà phê khác trên thị trường Việt Nam, Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam hoạt động kép kín từ canh tác, thu hoạch, chế biến, dịch vụ đến xuất khẩu cà phê. Vì thế điều kiện tự nhiên bao gồm đất, thổ nhưỡng và khí hậu có ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng cũng như chất lượng cà phê hàng năm, kéo theo là doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro về điều kiện thiên nhiên, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho nông dân và các vùng trồng cà phê của Công ty các kiến thức canh tác, phương pháp bảo vệ cây trồng mới.

Thời tiết hạn hán và sương muối ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng hạn hán xảy ra với tần suất thấp và cây cà phê là cây chịu được hạn hán. Tình trạng sương muối xảy ra ở vùng Sơn La (một trong các vùng cà phê ở phía Bắc) cũng giảm dần và được cải thiện. Từ khi dự án thủy điện Sơn La được xây dựng, tần suất xảy ra sương muối khoảng 16 năm/lần, đây cũng là một chu kỳ của cây cà phê.

Bên cạnh đó, do hoạt động trồng cây cà phê nguyên liệu mới được Tập đoàn đầu tư và phần lớn nguồn nguyên liệu phục vụ xuất khẩu là từ việc thu mua nên tác động nói trên chưa ảnh hưởng nhiều. Dự báo niên vụ 2010-2011, doanh thu và lợi nhuận thương mại của Công ty sẽ tăng cao do trong niên vụ này cà phê được mùa và giá bán cũng tăng. Giá cà phê Arabica trong năm 2010 cao nhất trong 13 năm trở lại đây và giá cà phê Robusta cao nhất trong 2 năm trở lại đây.

3.2. Rủi ro trong hoạt động đầu tư

Công ty đang thực hiện đầu tư vào nhiều dự án trồng cà phê và cao su trong và ngoài nước. Do đó, rủi ro đầu tư của Công ty có thể xảy ra nếu như hoạt động đầu tư này kém hiệu quả, thua lỗ trong kinh doanh. Tuy nhiên, các vùng đầu tư trồng cây cà phê nguyên liệu của Tập đoàn Thái Hòa được các chuyên gia trong ngành đánh giá là các vùng thuận lợi. Giá cà phê Arabica (lợi thế của Thái Hòa) thời gian vừa qua đạt giá đỉnh, gấp 2,6 lần giá cà phê Robusta.

Trồng cây cao su là mảng đầu tư mới của Tập đoàn Thái Hòa cũng đang được khuyến khích đầu tư tại Việt Nam và Lào. Chính vì vậy các khoản đầu tư của Tập đoàn Thái Hòa là các khoản đầu tư có tiềm năng.

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, khi các doanh nghiệp ở lĩnh vực khác gặp khá nhiều khó khăn thì đầu tư trong nông nghiệp vẫn đem lại lợi nhuận. Ngoài ra, đầu tư nông nghiệp còn được hưởng ưu đãi về vốn nhờ chính sách kích cầu của Chính phủ.

3.3. Rủi ro biến động giá cà phê thế giới

Thương mại theo thị trường tự do tiềm ẩn nhiều rủi ro, dễ bị ảnh hưởng bởi tình trạng đầu cơ ép giá của thương nhân nước ngoài. Vì thế, các công ty cà phê ở Việt Nam đã dần tham gia vào thị trường kỳ hạn ở London và New York, khởi sự các giao dịch mua bán trên mạng với các công cụ bảo hiểm hạn chế bớt rủi ro. Những biến động bất thường của giá cà phê trên thị trường thế giới (đặc biệt là thị trường kỳ hạn ở London) niên vụ 2008-2009 cũng có ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty. Năm 2010, giá cà phê tăng mạnh kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2010 của Công ty có sự tăng trưởng đột biến.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa v.v...là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Nguyễn Văn An**	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà **Ngô Thị Hạnh**	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà **Hoàng Thị Thu Dung**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà **Ngô Thị Hiếu**	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện:	Bà **Vũ Cẩm La Hương**
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 023/UQ-HCNS ngày 01/02/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam.
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam thông qua.

Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương.
Những người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: (i) Công ty mẹ và công ty con (nếu có); (ii) Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty; (iii) Công ty và những người quản lý công ty; (iv) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty; (v) Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Công ty	Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
Tập đoàn Thái Hòa	Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam
TSCĐ	Tài sản cố định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
BCTC	Báo cáo tài chính
CBNV	Cán bộ nhân viên
ĐKNY	Đăng ký niêm yết

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa được thành lập năm 1996 do Ông Nguyễn Văn An sáng lập với vốn điều lệ ban đầu là 0,5 tỷ đồng, hoạt động chủ yếu trong sản xuất, chế biến và kinh doanh cà phê nhân. Ngày 19/05/2008, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa chuyển đổi thành Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ ban đầu là 350 tỷ đồng. Sau 14 năm hình thành và phát triển, Công ty đã trở thành một tập đoàn tư nhân lớn về xuất khẩu cà phê nhân tại Việt Nam và đang từng bước mở rộng sang lĩnh vực trồng cây nguyên liệu và chế biến cà phê hòa tan.

Tới nay, Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con với 11 công ty con do Thái Hòa sở hữu chi phối trên 51%, trong đó có 05 công ty Công ty sở hữu 100% vốn cổ phần với hệ thống chế biến hiện đại trên khắp các vùng cà phê Việt Nam và vươn cả sang thị trường CHDCND Lào. Công ty cũng đã mở văn phòng đại diện của mình ở các thị trường lớn ở nhiều nước trên thế giới. Đặc biệt, Công ty là doanh nghiệp cà phê Việt Nam đầu tiên và duy nhất có văn phòng điều phối khu vực Châu Âu. Công ty đã khẳng định được vị trí nhà sản xuất cà phê hàng đầu Việt Nam và nhà xuất khẩu cà phê lớn trên thị trường thế giới. Sản phẩm của công ty được xuất khẩu đến hơn 50 nước thuộc 5 châu lục, trong đó tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất là vào các thị trường cao cấp và khó tính như Mỹ, Nhật,và EU.

1990s

- Đầu tháng 3/1996: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa được thành lập, với chiến lược kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp bền vững có chất lượng cao.
- Tháng 6/1997: xây dựng nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu đầu tiên tại Hà Nội.
- Tháng 12/1998: xây dựng nhà máy chế biến cà phê sử dụng công nghệ chế biến ướt tại Nghệ An. Hiện nay là Công ty TNHH Thái Hòa Nghệ An.
- Tháng 10/1999: Xây dựng nhà máy chế biến ướt thứ hai tại Lâm Đồng, nay là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng.

2000s

- Tháng 9/2000: Xây dựng nhà máy chế biến cà phê Liên Ninh. Với sự kiện này, Thái Hòa trở thành nhà xuất khẩu số 1 Việt Nam về cà phê Arabica
- Tháng 8/2001: Xây dựng nhà máy chế biến cà phê ướt thứ ba tại Khe Sanh (Quảng Trị)
- Tháng 3/2002: Mở chi nhánh công ty tại Tp.Hồ Chí Minh. Nay là CTCP Thương mại Cà phê Thái Hòa
- Tháng 2/2003: Thành lập Chi nhánh Sơn La nay là Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Sơn La. Cũng trong năm này, Công ty cũng nhận được chứng chỉ ISO 9001-2000.
- Tháng 2/2004: Nhà máy chế biến cà phê Lao Bảo – Quảng trị được thành lập. Nay là Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị.
- Tháng 6/2005: Thành lập chi nhánh tại Điện Biên, nay là Công ty CP cà phê Thái Hòa Mường Ảng và xây dựng nhà máy chế biến cà phê tại Đồng Nai
- Tháng 6/2006: Thành lập Công ty Thái Hòa Lào Việt và Công ty Thái Hòa Thừa Thiên Huế
- Tháng 11/2006: Khánh thành nhà máy chế biến cà phê An Giang được giới chuyên môn đánh giá là lớn nhất Việt Nam và hiện đại nhất về công nghệ. Công suất nhà máy 60.000 tấn/năm. Chỉ riêng nhà máy này đã đóng góp hơn 100 triệu USD doanh thu cho Thái Hòa trong năm 2007, tạo ra một bước tăng trưởng vượt bậc chỉ trong thời gian ngắn.
- Tháng 5/2007: Bắt đầu xây dựng tổ hợp 4 nhà máy chế biến cà phê tại Lâm Đồng (trong đó có 01 nhà máy chế biến cà phê hòa tan, công suất 2.000 tấn/năm) với số vốn đầu tư ban đầu là 550 tỷ đồng, với dây chuyền hiện đại và đồng bộ do hãng Niro A/S (Đan Mạch) thuộc tập đoàn đa quốc gia GEA cung cấp. Dự kiến đến tháng 8/2011 sẽ bắt đầu có sản phẩm
- Tháng 12/2007: Chuyển đổi Công ty con là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Cà phê An Giang thành Công ty cổ phần Cà phê An Giang. Đây là công ty cà phê đầu tiên và duy nhất niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam tính đến 10/2010

- Ngày 19/5/2008: Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa với quy mô vốn lên đến 350 tỷ đồng.
- 5/1/2009: đưa Công ty thành viên đầu tiên lên niêm yết tại HNX là Công ty cổ phần Cà phê An Giang (mã CK:AGC)
- Năm 2009: Tập đoàn giao cho CTCP Cà phê An Giang mở chi nhánh và xây dựng nhà máy chế biến cà phê nhân xuất khẩu tại Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột, công suất 45.000 tấn/năm, tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 66 tỷ đồng. Cùng năm này, Tập đoàn cũng mua lại nhà máy chế biến thức ăn gia súc Sơn La để xây dựng tổ hợp chế biến gồm có nhà máy chế biến cà phê, nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, nhà máy sản xuất phân vi sinh với tổng vốn đầu tư hơn 100 tỷ từ nguồn vốn vay ưu đãi theo Nghị định 41 của Chính phủ thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và PTNN Sơn La, dự kiến sẽ đưa lại doanh thu trong năm 2011. Ngoài ra, Tập đoàn cũng xây dựng nhà máy chế biến cà phê tại Lào với công suất 15.000 tấn/năm để phục vụ cho dự án trồng cà phê tại Lào (dự kiến liên doanh với Tập đoàn Marubeni – Nhật Bản trong năm 2011)
- Năm 2010: chuyển đổi chi nhánh CTCP cà phê An Giang thành CTCP Thái Hòa Buôn Ma Thuột và đầu tư giai đoạn 2 trị giá 100 tỷ đồng bằng vốn vay ưu đãi của chính phủ Brazil Ngân hàng Vietcombank để nâng công suất lên 153.000 tấn/năm.
- Kế hoạch từ 2010 – 2015: tiến hành tăng vốn của Công ty mẹ và các công ty con, cổ phần hóa các Công ty con và đưa cổ phiếu lên sàn niêm yết.

1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty:

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: Thai Hoa Viet Nam Group Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thai Hoa Group.,JSC
- Trụ sở chính: Số 352 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại : (84-4) 3 574 0348
- Fax: (84-4) 3 852 0507
- Website: www.thaihoacoffee.com
- Email: thaihoa@thaihoacoffee.com

- Biểu tượng Công ty:

- Vốn điều lệ: 550.000.000.000 *(Năm trăm năm mươi tỷ)* đồng

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Thời điểm	Vốn điều lệ *(đồng)*	Số vốn tăng thêm *(đồng)*	Hình thức tăng vốn
19/05/2008	350.000.000.000		Góp vốn ban đầu thành lập Công ty cổ phần
30/08/2010	550.000.000.000	200.000.000.000	Thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02 tháng 01 năm 2010 thông qua phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi với nội dung như sau:

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa
- Loại chứng khoán: Trái phiếu chuyển đổi
- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Tập đoàn Thái Hòa
- Mã trái phiếu: THV_TPCĐ2010
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Khối lượng phát hành: 2.000.000 (Hai triệu) trái phiếu
- Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá): 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng
- Kỳ hạn trái phiếu chuyển đổi: 01 năm kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: 08/01/2010
- Ngày đáo hạn: 08/01/2011
- Ngày chuyển đổi: 08/01/2011 hoặc sớm hơn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lãi suất trái phiếu: 3%/năm
- Ngày trả lãi trái phiếu: cuối kỳ
- Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (tức là tại ngày chuyển đổi, trái chủ sở hữu 01 trái phiếu được quyền chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông)
- Giá chào bán trái phiếu: 100.000 (Một trăm ngàn) đồng/trái phiếu
- Mục đích phát hành: bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty

- Kế hoạch sử dụng số tiền huy động được từ phát hành: căn cứ vào kế hoạch kinh doanh, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được để thu mua cà phê hoặc đầu tư vào máy móc thiết bị sản xuất
- Phương thức phân phối: Chào bán riêng lẻ cho 10 nhà đầu tư

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 08 năm 2010, Công ty đã chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 08/01/2010 thành cổ phiếu phổ thông và tăng vốn điều lệ từ 350 tỷ đồng lên 550 tỷ đồng.

Sau khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông, Công ty tiến hành thay đổi đăng ký kinh doanh với tên mới là Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam và vốn điều lệ là 550 tỷ đồng gồm 13 cổ đông.

Ngày 05/10/2010, Công ty đủ điều kiện là công ty đại chúng với 108 cổ đông. Ngày 07/10/2010, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Ngày 12/10/2010, UBCKNN có công văn số 3247/UBCK-QLPH ngày 12/10/2010 chấp thuận việc Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa là công ty đại chúng.

Ngành nghề kinh doanh

Một số ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100367361 đăng ký lần đầu ngày 19/05/2008 và thay đổi lần 5 ngày 30/08/2010:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản;
- Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Kinh doanh, cho thuê kho hàng, nhà xưởng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại....;
- Trồng cây cao su;
- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ;
- Sản xuất, chế biến thức săn gia súc, gia cầm;
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại: phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông công nghiệp;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Vận tải hàng hóa bằng ôtô;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ...v..v.....

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam là công ty kinh doanh đa ngành. Tuy nhiên, từ khi thành lập tới nay Tập đoàn Thái Hòa là doanh nghiệp chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh cà phê nhân với tỷ trọng xuất khẩu trên 90% tổng doanh thu. Hiện nay Công ty đang mở rộng hoạt động sang các phân đoạn khác của ngành cà phê là trồng và chế biến cà phê hòa tan nguyên liệu.

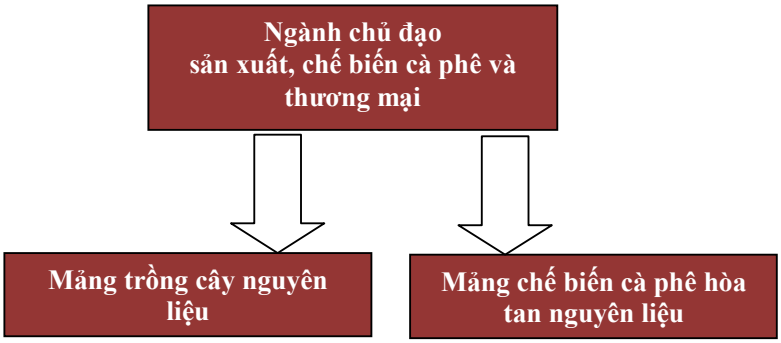

Ngoài mảng cà phê truyền thống, Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đang mở rộng sang lĩnh vực trồng cây cao su. Rừng cây cao su đang trong giai đoạn đầu tư, dự kiến bắt đầu từ năm 2015 sẽ đem lại doanh thu cho Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 06 tháng 09 năm 2010

Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, dựa trên quan hệ kinh tế. Từng công ty thành viên là từng đơn vị độc lập, chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty mẹ và thực hiện xây dựng kế hoạch riêng của mình. Công ty mẹ sẽ xác định lộ trình phát triển và mục tiêu hoạt động chung cho cả Tập đoàn, nhưng các công ty con sẽ có kế hoạch phát triển và triển khai các hoạt động một cách độc lập.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

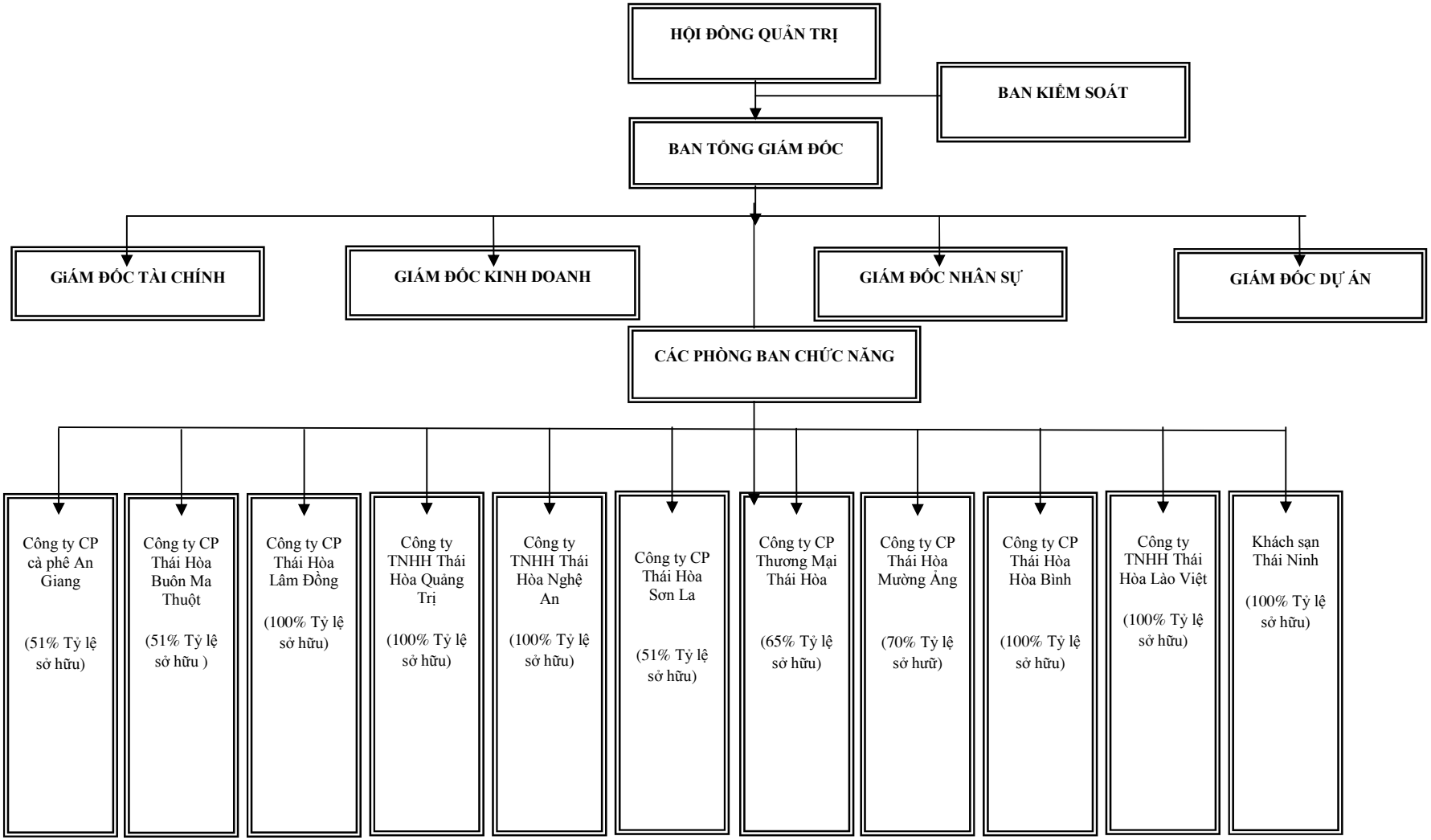

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và các kiểm soát viên.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ công ty và pháp luật quy định. Tổ chức quản trị Công ty theo phương thức tối ưu nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty, CBCNV và các cổ đông, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Nhà nước.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

1.	Ông **Nguyễn Văn An**	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Bà **Ngô Thị Hạnh**	Thành viên Hội đồng quản trị
3.	Ông **Lương Đức Loan**	Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Ông **Nguyễn Kim Tú**	Thành viên Hội đồng quản trị
5.	Bà **Hà Thị Kim Thoa**	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

1. Bà **Hoàng Thị Thu Dung** Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà **Đan Thùy Dương** Thành viên Ban kiểm soát
3. Ông **Bùi Văn Thìn** Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

1. Ông **Nguyễn Văn An** Tổng Giám đốc
2. Bà **Ngô Thị Hạnh** Phó Tổng Giám đốc

3.5. Các phòng ban chức năng

3.5.1 Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thực hiện kế hoạch kinh doanh, từ khâu thu mua cho đến khâu tiêu thụ nhằm đảm bảo nguyên liệu cho quá trình sản xuất và đáp ứng lượng hàng cho các hợp đồng tiêu thụ đã ký, đảm bảo thu hồi vốn nhanh chóng, tăng vòng luân chuyển vốn và mang hiệu quả về cho công ty.

3.5.2 Phòng tổ chức hành chính

- Là đầu mối giải quyết các công việc về lĩnh vực hành chính, quản trị của Công ty và có nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Giám đốc; Tổ chức quản lý và hướng dẫn thực hiện công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan Công ty theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động thông tin, liên lạc; tổng hợp thi đua, khen thưởng; quản lý sử dụng con dấu.
- Tổ chức và phục vụ các hội nghị, cuộc họp, làm việc, tiếp khách của lãnh đạo Công ty; Quản lý tài sản của Công ty, bao gồm cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị văn phòng của Công ty và các lĩnh vực công tác khác có liên quan. Phòng Tổ chức lao động là đầu mối

giải quyết các công việc về lĩnh vực công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động, công tác thanh tra, tự vệ.

3.5.3 Phòng tài chính kế toán

- Giúp Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, chế độ kế toán của Nhà nước, việc bảo vệ tài sản, vật tư tiền vốn và vốn góp của các cổ đông.
- Giúp Tổng giám đốc trong công tác hạch toán kế toán; thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán và tính toán ghi chép toàn bộ đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.
- Tham gia cùng các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác trong Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch quỹ lương...; chủ động tính toán việc thực hiện nộp nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, kết hợp với các phòng ban trong Công ty tính toán các khoản trích nộp BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn theo quy định của luật doanh nghiệp hiện hành.
- Thực hiện việc chi trả tiền lương, tiền công lao động cho người lao động đúng chế độ Nhà nước, quy chế của Công ty và thanh toán đúng thời gian, kỳ hạn.
- Tổ chức toàn bộ công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty và các qui định của luật pháp bao gồm:
  - ✓ Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu đảm bảo mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phản ánh trong kế toán phải khách quan đúng thực tế, được ghi chép đầy đủ theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán quy định hiện hành.
  - ✓ Tổ chức áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định. Xác định, lựa chọn áp dụng hình thức kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán phù hợp với đặc điểm loại hình của doanh nghiệp.
  - ✓ Tổ chức lựa chọn các sổ kế toán chi tiết và hệ thống sổ kế toán phù hợp với hình thức kế toán Công ty áp dụng.
  - ✓ Lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán chi tiết và tổ chức bộ máy kế toán phù hợp tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - ✓ Tổ chức trang bị và ứng dụng kỹ thuật tính toán và thông tin hiện đại trong công tác kế toán.

- ✓ Tổ chức hạch toán xác định chính xác hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả lãi, lỗ và lợi tức của các nhà đầu tư tài chính vào Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thu - chi tài chính, kỷ luật thu nộp, thanh toán, chế độ quản lý kinh tế - tài chính tại doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và tư vấn cho Tổng Giám đốc và HĐQT về thuê kiểm toán độc lập khi có yêu cầu phải kiểm toán.
- Lập kế hoạch trình HĐQT và Đại hội Cổ đông các phương án trích lập quỹ, phân chia cổ tức, thực hiện kịp thời việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy chế tài chính theo quyết định của HĐQT và Đại hội Cổ đông Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/11/2010

Cổ đông	Số lượng *(người)*	Số cổ phần	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ lệ
I. Cổ đông trong nước	**105**	**49.500.000**	**495.000**	**90%**
1. Cổ đông tổ chức	1	500.000	5.000	0,9%
2. Cổ đông cá nhân	104	49.000.000	490.000	89,1%
II. Cổ đông nước ngoài	**3**	**5.500.000**	**55.000**	**10%**
1. Cổ đông tổ chức	3	5.500.000	55.000	10%
2. Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
Tổng cộng	**108**	**55.000.000**	**550.000**	**100%**

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/11/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 05/11/2010

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ lệ
1. Nguyễn Văn An	D21 Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	22.750.000	227.500	41,36%
2. Ngô Thị Hạnh	D21 Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	12.215.000	122.150	22,21%
Tổng cộng		**34.965.000**	**349.650**	**63,57%**

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/11/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến ngày 05/11/2010

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ lệ
1. Nguyễn Văn An	D21 Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	22.750.000	227.500	41,36%
2. Ngô Thị Hạnh	D21 Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	12.215.000	122.150	22,21%
3. Nguyễn Đăng Ninh	D21 Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	35.000	350	0,06%
Tổng cộng		**35.000.000**	**350.000**	**63,63%**

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/11/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Ghi chú: Theo khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 19/05/2008, do vậy hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập vẫn còn hiệu lực đến ngày 19/05/2011.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

5.2. Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

5.2.1 Công ty cổ phần Cà phê An Giang

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	3600708142 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 03/01/2008, thay đổi lần 2 ngày 31/05/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	83.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến cà phê, nông sản. Kinh doanh vận tải và kho bãi
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	52,4% vốn điều lệ.

Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	78.352.500.000 đồng, trong đó: 43.492.000.000 đồng là vốn góp cổ phần và 34.860.500.000 là chênh lệch do mua cổ phần cao hơn mệnh giá.

5.2.2 Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	5800443465 do Sở KH&ĐT Tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 04/03/2005, thay đổi lần 6 ngày 12/08/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	400.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	204.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất, chế biến cà phê và hiện đang xây dựng nhà máy cà phê hòa tan công suất 2000 tấn/năm
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	100% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	204.000.000.000 đồng

5.2.3 Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	3200180940 do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 17/11/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 13/08/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	250.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	86.040.456.130 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Trồng và sản xuất, chế biến cà phê
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	100% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày	86.040.456.130 đồng

30/09/2010:	

5.2.4 Công ty TNHH Một thành viên Thái Hòa Nghệ An

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	2900701964 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 22/09/2005, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/09/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	10.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	5.167.462.515 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến cà phê
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	100% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	5.167.462.515 đồng

5.2.5 Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Thái Hòa Lào

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	162/ĐKKD do Sở Công Thương Tỉnh Champasak cấp lần đầu ngày 29/01/2009, thay đổi ngày 20/09/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	5.000.000 USD
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	125.094.647.429 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Trồng và chế biến cà phê xuất khẩu
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	100% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	125.094.647.429 đồng

5.2.6 Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Mường Ảng

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	162/ĐKKD do Sở Công Thương Tỉnh Chawmpasak cấp

	lần đầu ngày 29/01/2009, thay đổi ngày 20/09/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	50.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	22.915.630.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Trồng và chế biến cà phê xuất khẩu
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	70% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	16.040.942.093 đồng

5.2.7 Công ty cổ phần Thái Hòa Sơn La

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	5500377821 do Sở KH&ĐT Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 11/08/2009
Vốn điều lệ đăng ký:	180.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	18.975.810.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Trồng và chế biến cà phê xuất khẩu
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	51% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	9.677.667.264 đồng

5.2.8 Công ty cổ phần Thương mại cà phê Thái Hòa

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	0309525669 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 16/10/2009, thay đổi lần 1 ngày 23/03/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	20.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày	545.210.000 đồng

30/09/2010:	
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến cà phê
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	65% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	354.390.273 đồng

5.2.9 Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Hòa Bình

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	5400307179 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 03/02/2009, thay đổi lần 1 ngày 15/07/2009
Vốn điều lệ đăng ký:	90.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	15.293.600.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Trồng và chế biến cà phê, trồng cây cao su
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	51% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	7.799.737.256 đồng

5.2.10 Công ty TNHH Một thành viên Thái Ninh

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	3200316856 do BQL khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo cấp lần đầu ngày 15/04/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/07/2009
Vốn điều lệ đăng ký:	9.950.000.000 tỷ đồng
Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/09/2010:	5.641.099.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Kinh doanh khách sạn

Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	100% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	5.641.099.000 đồng

5.2.11 Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Buôn Ma Thuột

Ngoài ra, Công ty có kế hoạch đầu tư góp vốn để nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cà phê Thái Hòa Buôn Ma Thuột. Tuy nhiên tính đến 30/09/2010, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty này.

Giấy chứng nhận ĐKKD số:	6000950718 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đăk Lăk cấp lần đầu ngày 03/11/2009, thay đổi lần 1 ngày 25/08/2010
Vốn điều lệ đăng ký:	15.920.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh:	Chế biến cà phê
Tỷ lệ sở hữu của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam:	51% vốn điều lệ.
Vốn thực góp của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam tính đến ngày 30/09/2010:	0 đồng

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm và dịch vụ chính

Các sản phẩm chính của Tập đoàn Thái Hòa là cà phê nhân (Arabica và Robusta), cà phê rang xay, cà phê hòa tan.

❖ ***Cà phê nhân***

Cà phê nhân là sản phẩm kinh doanh chính của Tập đoàn Thái Hòa với 02 nhóm cơ bản, bao gồm:

- Nhóm 1: 100% Arabica đã qua công đoạn chế biến ướt, sàng lọc, làm bóng và phân loại màu
- Nhóm 2: Robusta đã qua công đoạn chế biến khô (một phần chế biến ướt), sàng lọc,

đánh bóng và phân loại màu

Trên 90% sản phẩm của Tập đoàn Thái Hòa tiêu thụ ở thị trường nước ngoài, chưa đến 10% còn lại tiêu thụ ở thị trường trong nước. Tập đoàn Thái Hòa là doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Arabica hàng đầu ở Việt Nam với tổng sản lượng xuất khẩu trong năm 2009 là 13.980 tấn, chiếm trên 60% sản lượng xuất khẩu cà phê Arabica tại Việt nam. Đặc điểm nổi bật của cà phê Thái Hòa là cà phê có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của nhiều thị trường khắt khe trên thế giới. Sản lượng cà phê Robusta xuất khẩu của Thái Hòa đạt trên 101.000 tấn/năm. Năm 2010, Thái Hòa đặt mục tiêu nắm 40% sản lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

Tỷ trọng sản phẩm theo doanh thu thuần năm 2009

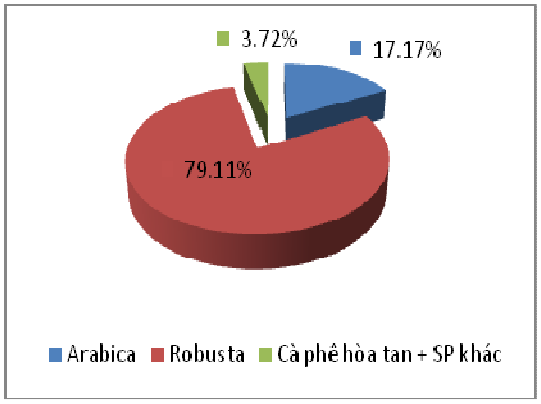

(Hợp nhất)

Tỷ trọng sản phẩm theo sản lượng năm 2009

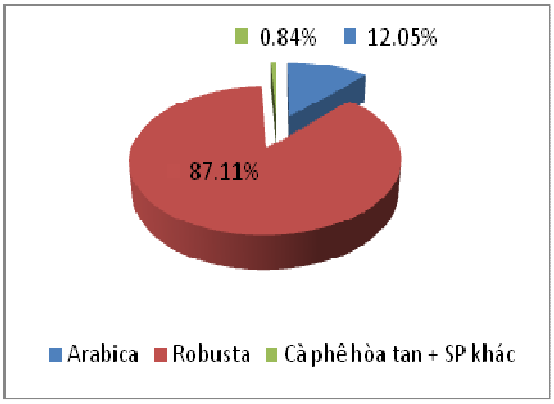

(Hợp nhất)

Tỷ trọng sản phẩm theo lợi nhuận gộp năm 2009

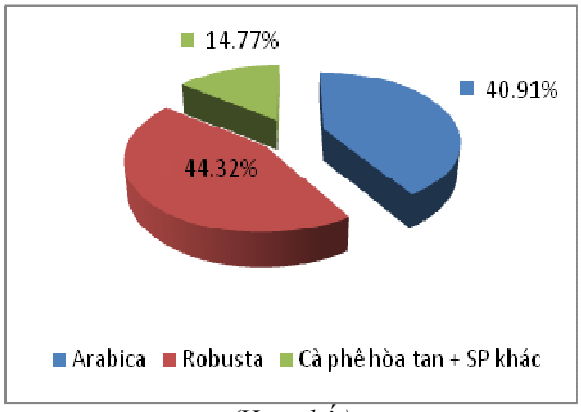

(Hợp nhất)

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

❖ ***Cà phê rang xay và hòa tan***

Ngoài ra Thái Hòa còn chế biến cà phê rang xay, cà phê hòa tan nguyên liệu tuy nhiên tỷ trọng

đóng góp không đáng kể vào doanh thu Tập đoàn. Sản phẩm cà phê hòa tan nguyên liệu chủ yếu để làm nguyên liệu cho các công ty chế biến thực phẩm trong và ngoài nước.

Hiện nay, Công ty đã và đang thực hiện phát triển dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Lâm Đồng với công suất 2.000 tấn/năm. Nhà máy này có nhiều điểm thuận lợi: nguồn nguyên liệu dồi dào, ổn định và chất lượng cao, vị trí địa lý thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp.

❖ ***Sản phẩm phân vi sinh***

Ngoài các sản phẩm trên, hiện nay Công ty cũng đã triển khai sản xuất sản phẩm phân vi sinh từ các phế thải cà phê (vỏ cà phê). Sản phẩm này hiện mới chỉ cung cấp nội bộ cho các dự án trồng cà phê và cao su của Tập đoàn, chưa bán ra thị trường. Tuy nhiên, đây là sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường nên được Công ty chú trọng đầu tư nâng cao công suất sản phẩm để cung cấp cho thị trường trong thời gian tới.

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm 2008-9T/2010 (Công ty mẹ)

Loại sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng
Arabica	121.711	40,0%	363.090	17,2%	557.280	34,6%
Robusta	139.797	45,9%	1.744.218	82,5%	1.012.550	62,9%
Cà phê hòa tan	42.769	14,1%	6.914	0,3%	40.530	2,5%
Tổng cộng	**304.277**	**100%**	**2.114.222**	**100%**	**1.610.360**	**100%**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm 2008-9T/2010 (Hợp nhất)

Loại sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng	Doanh thu (tr.đ)	Tỷ trọng
Arabica	178.902	13,9%	555.120	17,2%	499.613	36,0%
Robusta	1.057.085	82,4%	2.557.018	79,1%	843.792	60,8%
Cà phê hòa tan	42.769	3,3%	113.133	3,5%	41.784	3,0%
Sản phẩm khác	4.719	0,4%	7.111	0,2%	2.626	0,2%
Tổng cộng	**1.283.476**	**100%**	**3.232.382**	**100%**	**1.387.815**	**100%**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm 2008-9T/2010 (Công ty mẹ)

Loại sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần
Arabica	24.342	8,0%	23.184	1,1%	29.612	1,8%
Robusta	11.014	3,6%	17.442	0,8%	30.377	1,9%
Cà phê hòa tan	3.849	1,3%	1.383	0,1%	9.322	0,6%
Tổng cộng	**39.205**	12,9%	**42.009**	**2,0%**	**69.310**	**4,3%**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm 2008-9T/2010 (Hợp nhất)

Loại sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần	LN gộp *(tr.đ)*	%/DT thuần
Arabica	15.207	1,2%	66.614	2,1%	109.915	7,9%
Robusta	24.841	1,9%	72.175	2,2%	142.474	10,3%
Cà phê hòa tan	3.849	0,3%	22.627	0,7%	9.610	0,7%
Sản phẩm khác	450	0,0%	1.422	0,0%	394	0,0%
Tổng cộng	**34.168**	**2,7%**	**162.838**	**5,0%**	**262.393**	**18,9%**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Ghi chú: *Số liệu tài chính năm 2008 là số liệu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008*

❖ ***Hoạt động kinh doanh khác***

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trên, Công ty còn có các hoạt động tài chính khác liên quan đến tỷ giá và thị trường tương lai (thị trường mua bán kỳ hạn cà phê tại thị trường London).

Các hoạt động liên quan đến tỷ giá của Công ty là hoạt động xuất khẩu cà phê thu ngoại tệ và hoạt động vay vốn tín dụng ngân hàng bằng ngoại tệ. Biến động của tỷ giá hối đoái có thể sẽ đem lại cho Công ty doanh thu tài chính hoặc làm phát sinh chi phí tài chính. Tuy nhiên, cũng do lợi thế có nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu nên Công ty lựa chọn vay vốn tín dụng bằng ngoại tệ để giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và giảm được lãi suất vay vốn, từ đó giảm các chi phí về lãi vay.

Do hoạt động xuất khẩu cà phê chịu ảnh hưởng lớn từ biến động giá cà phê thế giới nên Công

ty đã tham gia vào thị trường mua bán kỳ hạn cà phê tại thị trường London như một hình thức bảo hiểm về giá cho hàng nguyên liệu thu mua và các lô hàng xuất khẩu. Sau khi thu mua cà phê nguyên liệu hoặc ký hợp đồng xuất khẩu cà phê, nếu nhận thấy có biến động về giá cà phê thế giới, Công ty sẽ thực hiện đặt lệnh mua hoặc đặt lệnh bán với kỳ hạn tương ứng ở thị trường London để giảm thiểu rủi ro biến động về giá. Hoạt động này cũng là một trong những hoạt động tài chính chính của Công ty.

Bảng 5: Bảng chi tiết về hoạt động liên quan đến tỷ giá và thị trường tương lai (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai
Lãi	0	0	17.159	20.617	8.286	1.928
Lỗ	2.202	0	134	6.900	3.519	1.265
Lãi thu được	**-2.202**	**0**	**17.025**	**13.717**	**4.767**	**663**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 6: Bảng chi tiết về hoạt động liên quan đến tỷ giá và thị trường tương lai (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai	Chênh lệch tỷ giá	Thị trường tương lai
Lãi	34.904	0	32.872	28.214	20.706	8.106
Lỗ	15.299	0	15.822	14.620	12.531	5.172
Lãi thu được	**19.605**	**0**	**17.050**	**13.594**	**8.175**	**2.934**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)
Ghi chú: *Số liệu tài chính năm 2008 là số liệu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008*

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính là hạt cà phê. Đối với cà phê Arabica là cà phê tươi, đối với cà phê Robusta có thể là cà phê tươi hoặc cà phê khô đã qua sơ chế. Cà phê Robusta được trồng ở nhiều nơi

như Đắc lắc, Lâm Đồng,... còn cà phê Arabica trồng nhiều ở vùng cao nguyên với độ cao tối thiểu 700m so với mực nước biển như Đà Lạt, Sơn La. Vụ cà phê Arabica bắt đầu từ tháng 9 năm trước đến tháng 2 năm sau và để đảm bảo chất lượng sản phẩm, cần chế biến tươi trong vòng 24h. Từ tháng 1 đến tháng 4 là vụ cà phê Robusta, tuy nhiên do thói quen chế biến khô nên cà phê Robusta chủ yếu thu mua khô từ nông dân và thu mua quanh năm.

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguồn nguyên liệu chủ yếu được mua gom từ các trang trại cà phê tư nhân. Vì thế, nguồn nguyên liệu chưa ổn định về số lượng và chất lượng. Hiện nay, để tăng cường sự ổn định của nguồn nguyên liệu, trong thời gian tới, Công ty sẽ triển khai hỗ trợ các hộ nông dân trong việc bảo quản cà phê sau khi thu hoạch bằng việc cho sử dụng kho bãi của Công ty để cất giữ cà phê, đồng thời mua máy móc, thiết bị từ nguồn vốn vay ngân hàng và giao cho nông dân đồng thời bao tiêu sản phẩm.

Bên cạnh đó, để chủ động hơn trong nguyên liệu phục vụ xuất khẩu và chế biến, Công ty đã và đang thực hiện các dự án trồng cà phê tại một số vùng địa phương Việt nam và Lào. Trong năm 2008-2009, tổng diện tích trồng cà phê của Công ty đã lên tới 900 ha tập trung vào những vùng trồng cà phê trọng yếu của Việt nam và một phần diện tích trồng ở Lào. Đồng thời Thái Hòa cũng được chấp thuận về nguyên tắc giao trên 3.000 ha để triển khai trồng cà phê nguyên liệu tại Lào. Năm 2009 và 2010 là thời gian đầu tư trồng của doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2011, các vùng trồng sẽ vào giai đoạn thu hoạch ổn định.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đặc thù của sản xuất cà phê là yếu tố mùa vụ (từ tháng 9 năm trước đến tháng 4 năm sau). Diện tích trồng cà phê những năm gần đây tuy có tăng nhưng sản lượng không tăng lên tương ứng. Hiện tượng mất mùa thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng đến sản lượng cà phê của Việt Nam và thế giới. Những dự đoán về khả năng mất mùa, khan hiếm nguồn cung của niên vụ kế tiếp sẽ làm ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào của niên vụ trước, do đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

6.3. Chi phí kinh doanh

Bảng 7: Chi phí kinh doanh (Công ty mẹ)

Hoạt động	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT
Giá vốn hàng bán	265.071	85,7%	2.072.212	96,2%	1.541.050	92,1%
Chi phí tài chính	33.928	11,0%	51.641	2,4%	61.493	3,7%
Chi phí bán hàng	1.923	0,6%	12.565	0,6%	4.826	0,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.804	2,2%	12.073	0,6%	6.337	0,4%
Chi phí khác	-	0,0%	447	0,0%	23.545	1,4%
Tổng cộng	**307.726**	**99,5%**	**2.148.938**	**99,8%**	**1.637.251**	**97,8%**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 8: Chi phí kinh doanh (Hợp nhất)

Hoạt động	Năm 2008		Năm 2009		9T/2010	
	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT	Giá trị *(tr.đ)*	%/Tổng DT
Giá vốn hàng bán	1.249.578	94,6%	3.069.544	93,0%	1.125.423	79,0%
Chi phí tài chính	77.805	5,9%	138.309	4,2%	156.772	11,0%
Chi phí bán hàng	9.567	0,7%	55.956	1,7%	34.615	2,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.968	1,3%	34.302	1,0%	29.212	2,1%
Chi phí khác	1.355	0,1%	2.252	0,1%	2.494	0,2%
Tổng cộng	**1.355.274**	**102,6%**	**3.300.363**	**100%**	**1.348.515**	**94,7%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)
Ghi chú: *Số liệu tài chính năm 2008 là số liệu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008*

Do đặc thù của công ty sản xuất và thương mại nên chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí kinh doanh.

Niên vụ 2008-2009, giá cà phê giảm mạnh, cà phê Arabica chỉ còn khoảng 2.800USD/tấn, cà phê Robusta xuống 1.700USD/tấn, giảm còn 70% so với niên vụ trước đó. Đây là thời gian khó khăn nhất của Tập đoàn với sự giảm đi đáng kể của doanh thu và lợi nhuận. Bắt đầu từ Quý 2/2010, giá cà phê thế giới bắt đầu tăng mạnh. Tại thời điểm tháng 10/2010, giá cà phê Robusta tăng cao nhất trong vòng 2 năm qua đạt mức 1.910 USD/tấn và giá cà phê Arabica tăng lên mức cao nhất trong vòng 13 năm gần đây đạt mức 4.200 USD/tấn. Với lợi thế đứng đầu Việt Nam về xuất khẩu Arabica cùng với biến động tăng giá kỷ lục của cà phê thế giới trong thời gian gần đây, doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn trong 9 tháng đầu năm 2010 cũng đạt được kết quả đột biến, tỷ trọng chi phí/doanh thu giảm so với các năm trước.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay. Do tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn thường xuyên ở mức hơn 1.000 tỷ nên chi phí lãi vay gây áp lực khá lớn cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2008-2009. Tuy nhiên, cùng với những nguồn vốn được ưu đãi về lãi suất từ nước ngoài dành cho Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, hỗ trợ lãi suất 4% cho các doanh nghiệp trong gói kích cầu của Chính phủ năm 2009, hỗ trợ lãi suất 6% đối với các khoản vay thu mua cà phê tạm trữ theo chỉ đạo của Chính phủ năm 2010 và nguồn vốn huy động từ việc tăng vốn điều lệ năm 2010 bằng hình thức chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, áp lực về lãi vay của Công ty sẽ được giảm bớt.

6.4. Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ, quy trình trồng chế biến cà phê, công nghệ chế biến và hệ thống máy móc thiết bị hiện đại với công suất lớn, được nhập khẩu từ các nước nổi tiếng về công nghệ sản xuất và chế biến cà phê như Đan Mạch và Brazil, được xem là một trong những thế mạnh của Công ty Thái Hòa giúp Công ty tăng được khả năng cạnh tranh, khẳng định được thương hiệu và uy tín sản phẩm trên thị trường.

6.4.1 Máy móc, thiết bị

Máy móc thiết bị tại Công ty có thể chia thành 3 nhóm chính bao gồm: máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và thiết bị cho quản lý. Trong đó, giá trị của dây chuyền chế biến cà phê là phần có giá trị lớn nhất.

Hiện nay Công ty đang thực hiện quy trình và công nghệ lên men cà phê để làm dịu cà phê bằng công nghệ nước và hệ thống máy bắn màu Bio-colour nhập khẩu từ Nhật Bản. Dây

chuyền chế biến cà phê với công nghệ hiện đại được nhập khẩu trực tiếp từ Brazil đã giúp nâng cao đáng kể hiệu quả và chất lượng cà phê của Công ty, đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm của khách hàng. Hầu hết các máy móc thiết bị của Công ty được nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Brazil ...

Các máy móc thiết bị được mua phù hợp và kịp thời theo yêu cầu phù hợp với từng dự án. Sắp tới Công ty đang chuẩn bị nhập và lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến khô nhập khẩu từ Brazil cho dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhà máy chế biến cà phê nhân xuất khẩu chất lượng cao 153.000 tấn/năm tại Đăklăk và dây chuyền chế biến đồng bộ cà phê Arabica từ Brazil cho nhà máy Sơn La.

6.4.2 Quy trình sản xuất sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang thực hiện cả hai loại quy trình công nghệ chế biến cà phê là công nghệ chế biến khô và công nghệ chế biết ướt.

❖ **Quy trình chế biến cà phê theo phương pháp khô**

Chế biến cà phê theo phương pháp khô đang là phương pháp được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam với ưu điểm đơn giản, thuận tiện tuy nhiên chất lượng hạt kém.

Biểu đồ 1: Quy trình chế biến cà phê theo phương pháp khô

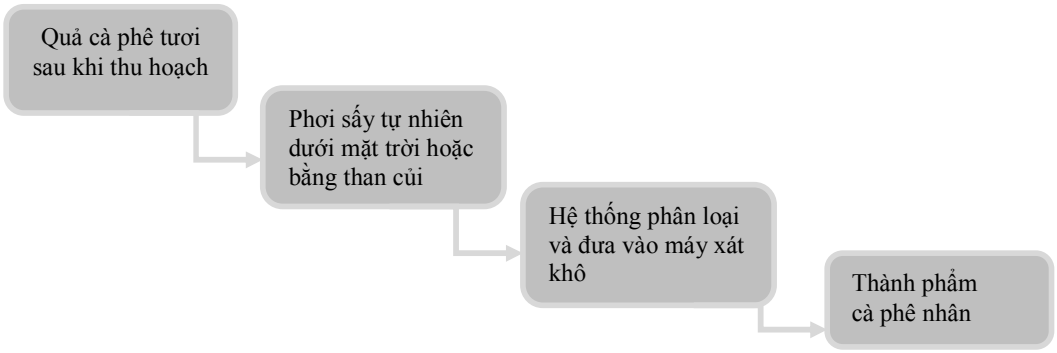

Cà phê nhân được sàng phân loại đưa tới silô chứa hoặc kho chứa để đấu trộn các loại theo tỷ lệ khách hàng yêu cầu. Cà phê nhân, sau khi đã được kiểm tra chất lượng theo đúng yêu cầu mới được xuất xưởng. Trước khi đưa vào xát hoặc xuất xưởng, nếu độ ẩm không đảm bảo thì cà phê sẽ được đưa qua hệ thống sấy. Trong quá trình sản xuất, bụi và hơi nóng trong nhà xưởng sẽ được xử lý nhờ hệ thống hút bụi và thiết bị thông gió để đảm bảo môi trường vệ sinh lao động cho công nhân.

Ưu điểm:

- Tận dụng được năng lượng mặt trời
- Quy trình công nghệ đơn giản, có thể chế biến tập trung tại xưởng hoặc chế biến phân tán với quy mô nhỏ, có thể sơ chế tại các gia đình.

Nhược điểm:

- Tổng diện tích sân phơi, diện tích kho bảo quản (theo tiêu chuẩn thế giới, cứ mỗi 100 ha cà phê trồng thì cần 1 ha sân phơi);
- Thời gian phơi cà phê khô lâu (khoảng 25-30 ngày mới xong được một mẻ) làm tăng thời gian sản xuất, ứ đọng vốn;
- Chất lượng cà phê không cao, không ổn định do phải phơi lâu ngoài trời dễ bị mốc, dễ lẫn mùi tạp chất;
- Chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết.

❖ **Quy trình chế biến cà phê theo phương pháp ướt**

Cà phê chế biến theo phương pháp ướt hiện còn ít được sử dụng ở Việt Nam vì đòi hỏi phải đầu tư nhiều hơn cho thiết bị chế biến. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả kinh tế của phương pháp này cao hơn hẳn so với chế biến bằng phương pháp khô. Hiện nay, Công ty đang triển khai thực hiện chế biến theo phương pháp ướt các sản phẩm cà phê, đặc biệt là cà phê Arabica để tăng sức cạnh tranh về chất lượng của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Biểu đồ 2: Quy trình chế biến cà phê theo phương pháp ướt

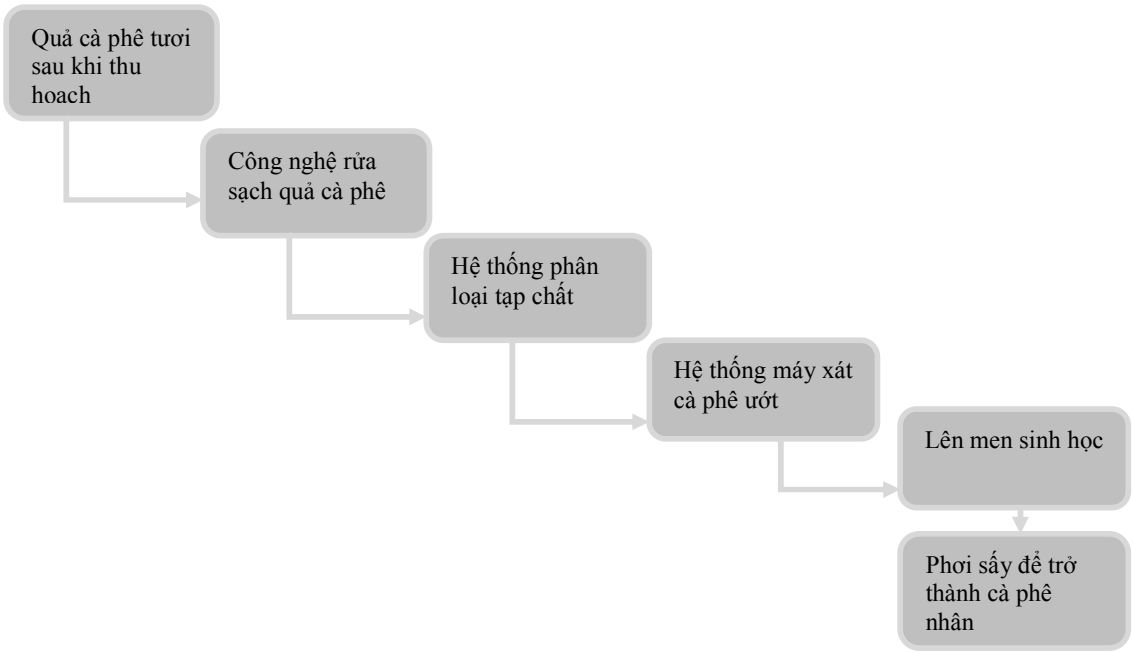

Ưu điểm của phương pháp chế biến ướt:

- Tiết kiệm diện tích sân phơi. Thực tế cho thấy, diện tích sân phơi theo phương pháp này có thể tiết kiệm được ít nhất là 4 lần so với phương pháp chế biến khô
- Thời gian phơi khô được rút ngắn (còn khoảng 5-7 ngày)
- Chất lượng cà phê nhân thu được cao, giá bán cao hơn cà phê nhân cùng loại chế biến theo phương pháp khô (trung bình cao hơn từ 500-800 USD/tấn nhân đối với Arabica; và từ 250-400USD đối với Robusta)
- Nhu cầu về kho tàng, vận chuyển ít hơn
- Tránh được sự phụ thuộc vào thời tiết. Trong những giai đoạn thu hoạch cà phê cấp tập hoặc thời tiết xấu, cà phê quả tươi vẫn được chế biến kịp thời, hạn chế hư hỏng, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Nhược điểm của phương pháp chế biến ướt:

- Lượng vốn đầu tư ban đầu lớn hơn do phải có hệ thống chế biến phù hợp;
- Nhu cầu nước cho sản xuất lớn;
- Phát sinh một lượng lớn nước thải cần xử lý.

Công ty hiện đang thực hiện kết hợp cả hai phương pháp chế biến khô và chế biến ướt do:

- Công nghệ chế biến ướt có chất lượng cà phê thành phẩm cao hơn nhưng việc thu mua nguyên vật liệu có thể có lúc gặp khó khăn vì cà phê tươi khó bảo quản hơn và thường tập trung vào một khoảng thời gian ngắn trong năm; công nghệ chế biến khô có thể giúp dự án duy trì được sản xuất trong thời gian dài vì có thể dự trữ vật liệu, tận dụng công suất thiết bị trong những thời gian không phải mùa thu hoạch. Kết hợp cả hai công nghệ sẽ tận dụng được tối đa công suất thiết bị mà vẫn đảm bảo có được nhiều sản phẩm chất lượng cao.
- Tận dụng nguồn nước dồi dào ở địa phương có thể giải quyết được bài toán về nước trong sản xuất theo phương pháp ướt, kết hợp với sử dụng công nghệ mới xử lý nước thải và xưởng sản xuất phân vi sinh tận dụng phế thải nên vẫn đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Phương pháp chế biến ướt sẽ mang lại chất lượng sản phẩm cao hơn và hiệu quả kinh tế lớn hơn.

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.5.1 Bộ phận kiểm tra chất lượng

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty do Phòng kiểm tra chất lượng đảm nhiệm với các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra chất lượng hàng hóa mua vào (nguyên liệu), hàng hóa trong quá trình chế biến (bán thành phẩm), hàng hóa sau khi kết thúc giai đoạn chế biến (thành phẩm lưu kho, chờ xuất khẩu). Ở đây chủ yếu là mặt hàng cà phê nhân.
- Phản ánh chính xác về chất lượng của hàng hóa nhập vào kho – chế biến – lưu kho chờ xuất khẩu, quyết định toàn bộ về mặt chất lượng của những lô hàng nhập kho – chế biến – lưu kho.
- Tư vấn về chất lượng của hàng hóa trong suốt quá trình nhập kho – chế biến – lưu kho cho ban lãnh đạo công ty tại từng thời điểm có yêu cầu nhằm đưa ra những quyết định chính xác, kịp thời về những mặt hàng mua vào, bán ra.
- Cùng với nhà máy chế biến cà phê nhân kiểm soát về chất lượng của những sản phẩm hiện tại công ty đang sản xuất, định hướng chất lượng của sản phẩm mới.

Hầu hết nhân sự của Phòng kiểm tra chất lượng đã tốt nghiệp những ngành học liên quan như chế biến và bảo quản thực phẩm, được đào tạo chuyên môn về kiểm tra chất lượng bởi các công ty giám định hàng nông sản có uy tín như Cafe Control, OMIC... và đã có thời gian làm việc tại những công ty chế biến thực phẩm, các công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cà phê, các công ty giám định hàng nông sản....

6.5.2 Quy trình kiểm tra chất lượng

Biểu đồ 3: Quy trình kiểm tra chất lượng hàng nhập kho

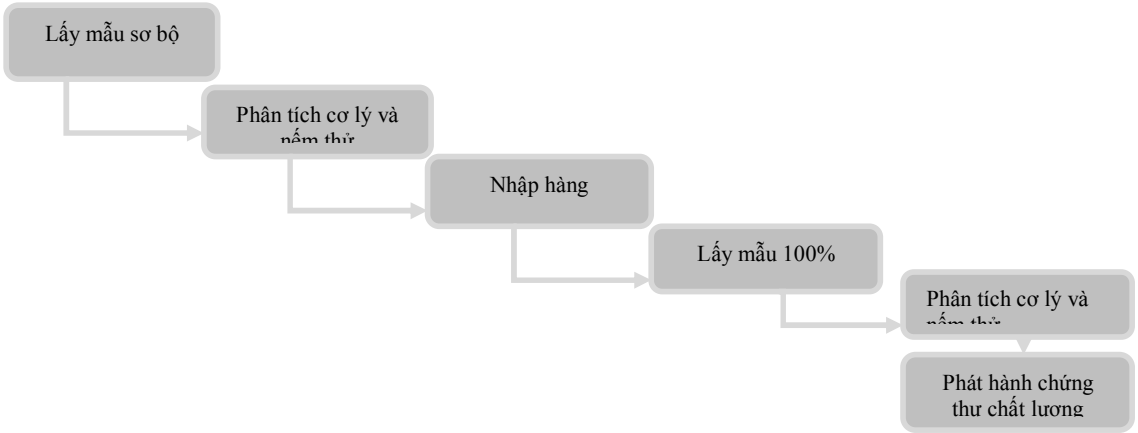

Biểu đồ 4: Quy trình kiểm tra chất lượng hàng chế biến

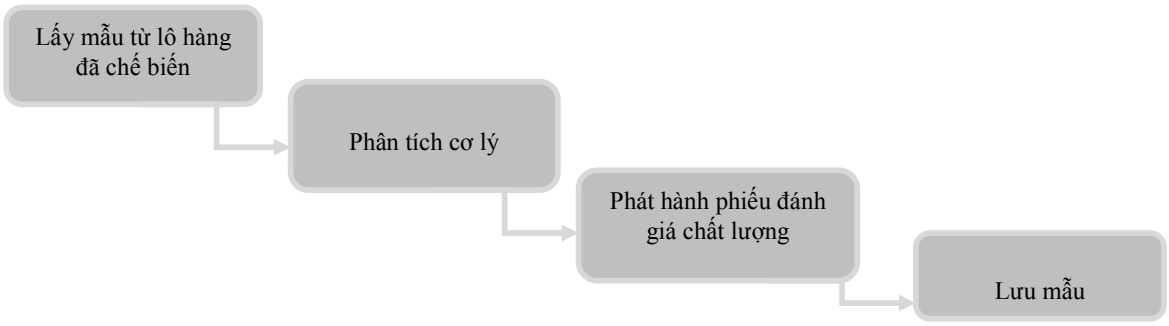

6.5.3 *Quy trình kiểm tra chất lượng*

Biểu đồ 5: Quy trình kiểm tra chất lượng hàng lưu kho và xuất khẩu

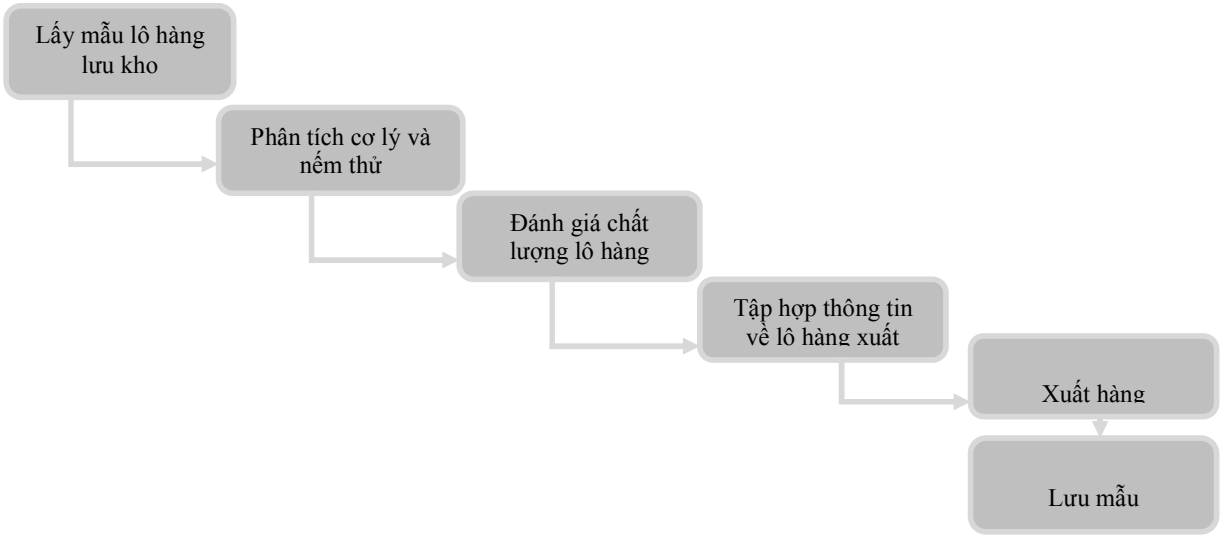

6.5.4 *Chứng chỉ chất lượng*

Chất lượng cà phê của Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam được khẳng định với các chứng chỉ ISO 9001-2000, UTZ Inside và 4C.

Thái Hòa là một trong hai đơn vị sản xuất cà phê duy nhất của Việt nam đã được cấp chứng chỉ về chất lượng 4C từ tổ chức hiệp hội cà phê Đức (DKV) và tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức, thay mặt cho Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế Đức (BMZ). Sản xuất cà phê theo nguyên tắc 4C đưa ra một khuôn khổ để thực hiện các phương thức bền vững hơn và không can thiệp vào quá trình sản xuất cà phê của cơ sở. Các phương thức trồng, chăm sóc cây cà phê được gắn liền với việc đảm bảo một môi trường xanh, không dùng các sản phẩm phân bón và kích thích có thể gây độc hại hạt cà phê, đảm bảo một sản phẩm cà phê "xanh", không gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Với sản phẩm cà phê theo nguyên tắc 4C, Công ty có thể xuất khẩu cà phê của mình với mức giá bán cao hơn, trung bình 30 đô la Mỹ/ tấn đối với cà phê Robusta và 30 đô la Mỹ/tấn đối với cà phê Arabica, đồng thời đảm bảo chắc chắn khách hàng mua.

Bên cạnh đó, 2 công ty con của Thái hòa là Thái Hòa Lâm Đồng và Thái Hòa Buôn Ma Thuột đã nhận được chứng chỉ UTZ về chất lượng trồng và sản xuất cà phê. Đây là một chương trình toàn cầu về quản lý, kiểm nghiệm, và đánh giá chất lượng trồng cà phê của các nhà sản xuất cà phê và được thẩm định và tái cấp hàng năm theo tiêu chuẩn. Tại Việt nam, chỉ có 4 công ty nhận được chứng chỉ UTZ trong năm 2009. Với việc được chứng nhận chất lượng sản phẩm cà phê qua chứng chỉ UTZ, sản phẩm của Công ty sẽ được xuất với giá bán cao hơn, trung bình 30đô la Mỹ/tấn cho và phê Robusta và 80đô la Mỹ cho cà phê Arabica. Có thể khẳng định đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn của cà phê Thái Hòa trong hiện tại và tương lai khi mà xu hướng tiêu dùng cà phê ngày càng đặt tiêu chuẩn cao hơn cho chất lượng cà phê, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của khách hàng.

Hiện nay Công ty đang chuẩn bị và hoàn tất các thủ tục để đăng ký chứng chỉ Deforest về chất lượng cà phê để tiến sâu hơn nữa vào thị trường Mỹ, một trong những thị trường khó tính nhất trong tiêu dùng cà phê trên thế giới. Nếu đạt được chứng chỉ này vào thị trường Mỹ, sản phẩm

cà phê của Công ty sẽ được bán với giá cao hơn vào khoảng 30đô la Mỹ/tấn cho cà phê Robusta và 50đô la Mỹ/tấn cho cà phê Arabica.

Để đảm bảo chất lượng hạt cà phê từ khâu giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến, hiện nay Thái Hòa là doanh nghiệp tiên phong trong việc xây dựng quy trình sản xuất khép kín và tận dụng toàn bộ nguyên liệu đầu vào:

Biểu đồ 6: Quy trình sản xuất cà phê kép kín của Công ty Thái Hòa

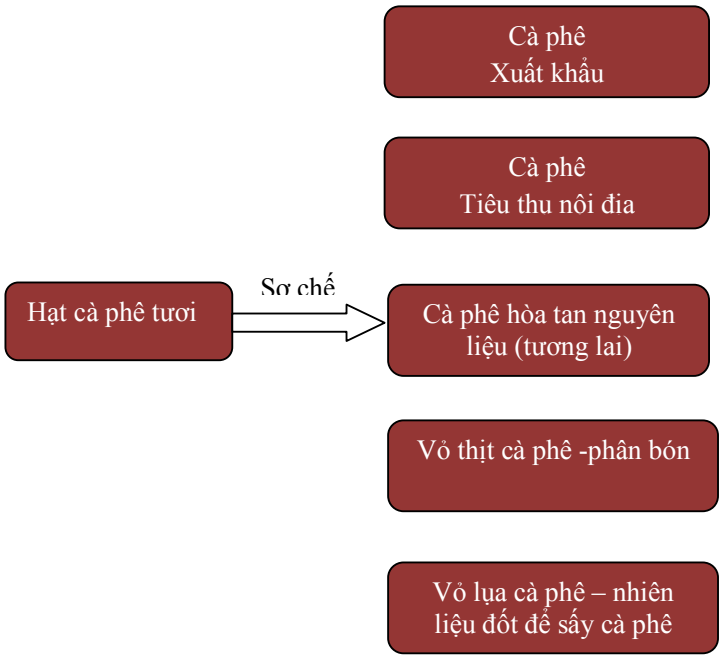

6.6. Hoạt động Marketing

Các hoạt động Marketing của Công ty được thực hiện theo các định hướng như sau:

- Nâng cao vai trò của marketing trong việc đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Duy trì thường xuyên chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm phát triển thêm khách hàng mới nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm của công ty.
- Chú trọng hơn nữa việc thiết kế nhận dạng thương hiệu, công tác PR, công tác IR. Qua đó thay đổi và tạo dựng hình ảnh Thái Hòa Group với bộ mặt mới ngày càng có sức hút lớn hơn.

Bảng 9: Một số hoạt động truyền thông của Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

Thời gian	Chương trình hoạt động	Địa điểm
Tháng 9/2008	Tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	Anh, Ý
Tháng 10/2008	Tham dự hội chợ Export	Trung Quốc
Tháng 12/2008	Là nhà tài trợ chính cho Lễ hội cà phê	Buôn Ma Thuột
Năm 2009	Truyền thông qua chương trình "Nông thôn ngày nay" và "Bản tin tài chính"	Kênh VTV1, VTV2
Tháng 4/2009	Thực hiện chương trình khảo sát thị trường Algeria	Algeria
Tháng 9/2009	Tham dự triển lãm hàng xuất khẩu Việt Nam tại Nga	Nga
Tháng 1/2010	Tham dự hội nghị Cà phê Quốc tế lần thứ 3	Guatemala
Năm 2010	Truyền thông qua các chương trình "Bản tin tài chính", "Trao đổi với doanh nghiệp về tình hình xuất khẩu cà phê 2010" và một số chương trình khác	Các kênh của đài truyền hình Việt Nam

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa)

6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:

Nhãn hiệu	Số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Nhóm sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu
THAIHOA	147614 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 11/06/2010	▪ Phân vi sinh, phân bón NPK ▪ Mủ cao su; cao su lỏng; cao su nguyên chất; cao su tổng hợp ▪ Các sản phẩm từ gỗ, cụ thể: bàn, ghế, tủ, giường, khung ảnh, kệ

		bằng gỗ ▪ Cà phê, đồ uống trên cơ sở cà phê ▪ Thức ăn cho gia súc, thức ăn cho gia cầm ▪ Xuất nhập khẩu cao su, cà phê ▪ Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp
	135859 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 27/10/2009	Phân vi sinh, phân bón NPK
	141576 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 27/01/2010	Cà phê, đồ uống trên cơ sở cà phê

- Các nhãn hiệu sản phẩm của Tập đoàn Thái Hòa

Cà phê sữa hòa tan 3 trong 1 Thái Hòa

Cà phê rang xay Langbiang

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Thái Hòa

Cà phê rang xay Buôn Ma Thuột

Cà phê hòa tan 2 trong 1 Thái Hòa

Cà phê rang xay Phan Xi păng

6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 10: Danh sách các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện tính đến ngày 30/09/2010

STT	Khách hàng	Loại sản phẩm	Khối lượng *(tấn)*	Giá trị *(USD)*	Thời gian thực hiện
1	Atlantic USA	Arabica	2.734	7.587.638	9 tháng đầu năm 2010
2	Atlantic USA	Robusta	2.920	4.892.897	9 tháng đầu năm 2010
3	Ecom Agroinudstrial Corp, Ltd	Robusta	2.325	8.268.441	9 tháng đầu năm 2010
4	Ecom Agroinudstrial Corp, Ltd	Robusta	3.373	6.442.430 *(dự tính)*	Quý IV/2010 đến Quý I/2011
5	Marubeni, Japan	Arabica	288	781.248	9 tháng đầu năm 2010
6	Marubeni, Japan	Arabica	4.070	17.501.000 *(dự tính)*	Quý IV/2010 đến Quý II/2011
7	Marubeni, Japan	Robusta	250	661.440	Quý III/2010
8	Marubeni, Japan	Robusta	384	733.440 *(dự tính)*	Quý IV/2010 đến Quý I/2011
9	Sucafina	Arabica	211	739.200	Quý III/2010
10	Sucafina	Robusta	1.577	2.703.460	9 tháng đầu năm 2010
11	Sucafina	Robusta	1.286	2.456.260 *(dự tính)*	Quý I/2011
12	Guzman Cauchos	Robusta	269	513.790 *(dự tính)*	Quý IV/2010 đến Quý I/2011

13	Taloca	Robusta	346	660.860 *(dự tính)*	Quý I/2011
14	Temi Ltd	Robusta	269	513.790 *(dự tính)*	Quý I/2011
15	Trung Quốc	Robusta	4.700	8.977.000 *(dự tính)*	Quý IV/2011
16	KH của Thái Hòa Lâm Đồng	Arabica	2.876	10.442.367 *(dự tính)*	Quý IV/2010 và Quý I/2011
17	KH của Thái Hòa Lâm Đồng	Robusta	12.739	18.539.092 *(dự tính)*	Quý IV/2010 và Quý I/2011
18	KH của Cà phê An Giang	Robusta	15.276	29.177.160 *(dự tính)*	Quý IV/2010 và Quý I/2011
	Tổng cộng		**55.893**	**118.888.053**	

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

(*) Giá trị hợp đồng dự tính với giá Robusta là 1.910 USD/tấn, Arabica là 4.200 USD/tấn

Trên đây là một số hợp đồng tiêu biểu tính đến ngày 30/09/2010 của Công ty mẹ và 2 Công ty con là Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng và Công ty cổ phần Cà phê An Giang (các đơn vị có sản lượng xuất khẩu lớn). Các hợp đồng này sẽ được giao hàng trong Quý IV/2010 và Quý I/2011, giá trị hợp đồng tương ứng với giá cà phê chốt tại thời điểm giao hàng. Giá Robusta tháng 9/2010 khoảng 1.760 USD/tấn, Arabica khoảng 3.800 USD/tấn. Giá cà phê trong tháng 10/2010 tiếp tục tăng mạnh, giá Robusta trung bình khoảng 1.910 USD/tấn, Arbica khoảng 4.200 USD/tấn. Hiện tại đang bắt đầu vào niên vụ cà phê mới, Công ty tiếp tục ký các hợp đồng mới với khác hàng trong các tháng tiếp theo. Với đà tăng giá của cà phê hiện nay thì tình hình kinh doanh của Công ty trong niên vụ 2010 – 2011 sẽ rất khả quan.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty

Bảng 11: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh 2008-9T/2010 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	9T/2010

Tổng giá trị tài sản	920.474	1.291.279	40,3%	1.672.555
Doanh thu thuần	304.277	2.114.222	192,8%	1.610.360
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.608	3.821	37,7%	26.488
Lợi nhuận khác	0	1.110	-	10.156
Lợi nhuận trước thuế	1.608	4.931	79,4%	36.645
Lợi nhuận sau thuế	1.158	3.644	84,0%	32.256
Tỷ lệ cổ tức (*)	-	6,64%	-	

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 12: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh 2008-9T/2010 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	9T/2010
Tổng giá trị tài sản	1.631.062	2.458.061	50,7%	2.669.487
Doanh thu thuần	1.283.746	3.232.382	37,0%	1.387.815
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-34.645	-556	-	75.881
Lợi nhuận khác	828	1.544	24,4%	87
Lợi nhuận trước thuế	-33.817	988	-	75.968
Lợi nhuận sau thuế	-34.206	1.323	-	62.346
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-12.841	644	-	9.994
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	-21.365	679	-	52.352
Tỷ lệ cổ tức (*)	-	6,64%	-	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/05/2009, Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền là 23.240.008.000 đồng.

Ghi chú: *Số liệu tài chính năm 2008 là số liệu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008*

Hoạt động sản xuất nội tại của Công ty vẫn tốt, sản lượng xuất khẩu tăng qua các năm (năm 2008 Công ty xuất khẩu hơn 80.000 tấn cà phê các loại, năm 2009 Công ty xuất khẩu được khoảng 116.000 tấn cà phê các loại). Tuy nhiên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2008-2009 giảm sút so với thời kỳ trước, nguyên nhân chủ yếu do cà phê thế giới giảm giá mạnh. Vụ cà phê 2008 -2009 (quý III/2008 – Quý II/2009), sản lượng xuất khẩu tăng cao nhưng giá cà

phê lại liên tục rớt mạnh (đặc biệt từ cuối Quý II/2008) khiến mức giá trung bình xuất khẩu niên vụ 2008-2009 giảm khoảng 400 USD/tấn so với niên vụ 2007-2008. Nguyên nhân giá cà phê xuống thấp, ngoài tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, yếu tố đầu cơ của các quỹ đầu tư, là trong thời gian 8 tháng đầu vụ 2008 – 2009 các nước xuất khẩu cà phê đã xuất 65,7 triệu bao so với 63,8 triệu bao cùng kỳ vụ trước. Chính vì được cung cấp dồi dào, lượng dự trữ của các nhà rang xay đã đủ nên giá cà phê không giữ được ở mức cao. Đây chính là nguyên nhân khiến cho kết quả kinh doanh của cả Tập đoàn bị giảm sút.

Tuy Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam là doanh nghiệp đứng đầu Việt Nam về sản lượng xuất khẩu cà phê Arabica nhưng cũng như tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê của Việt Nam, cà phê Robusta vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng và giá trị xuất khẩu của Tập đoàn. Trong khi đó, niên vụ 2008-2009 giá Robusta giảm mạnh hơn cả, ở mức khoảng 1.700 USD/tấn sau khi giảm từ mức 2.600 USD/tấn ở niên vụ 2007-2008. Lợi nhuận kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn năm 2008 bị âm 16 tỷ đồng (giai đoạn 19/5-31/12/2008 – Thời gian hoạt động của công ty cổ phần sau khi được chuyển đổi từ công ty TNHH bị lỗ 34 tỷ đồng) nguyên nhân chính là do Công ty cổ phần Cà phê An Giang (công ty con) bị lỗ gần 20 tỷ đồng vì công ty này hoàn toàn xuất khẩu cà phê Robusta và là công ty duy nhất tham gia thị trường mua bán kỳ hạn.

Năm 2009, thị trường cà phê bị chững lại nên tác động làm giá cà phê tiếp tục biến động liên tục theo xu hướng giảm, không thể đạt tới mức giá đỉnh vào cuối Quý II/2008. Giá cà phê thế giới năm 2009 giảm khoảng 12,5% so với mức giá trung bình năm 2008. Trong năm này, một số hợp đồng xuất khẩu hàng hóa với giá thấp hơn so với giá thu mua nguyên liệu hàng hóa năm 2008, tuy nhiên Công ty vẫn phải ký hợp đồng và thực hiện xuất khẩu. Thời điểm Quý I/2009 tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam chưa thể xác định khi nào là đáy của khủng hoảng nên cứ có khách hàng mua là công ty bán bớt hàng tồn kho. Đồng thời xác định, nếu có lỗ khi xuất hàng tính theo tiền VND thì Công ty vẫn có thể thu lợi nhuận từ việc thu ngoại tệ từ xuất khẩu nên vẫn có thể có lãi nhờ vào chênh lệch tỷ giá. Năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm 556 triệu đồng, đây là con số không lớn so với con số hơn 3.200 tỷ đồng doanh thu, đồng thời Công ty có khoản thu nhập khác hơn 1,5 tỷ đồng và nên lợi nhuận sau thuế của Công ty dương 1,3 tỷ đồng.

Sang năm 2010, giá cà phê thế giới đã ổn định trở lại và liên tục đạt các mức tăng giá kỷ lục từ cuối Quý I/2010 đến nay do chính sách mua tạm trữ 200.000 tấn cà phê của Chính phủ Việt Nam nhằm cứu người nông dân trồng cây cà phê và các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê. Thêm

vào đó, hai nước xuất khẩu cà phê hàng đầu và thứ ba thế giới là Brazil và Indonesia dự kiến cũng có các biện pháp tương tự Việt Nam để can thiệp vào thị trường với quan điểm chung là ủng hộ việc cắt giảm nguồn cung cà phê để kéo giá lên. Giá cà phê tăng mạnh, Robusta tăng từ mức 1.235 USD/tấn (tháng 3/2010) lên mức 1.910 USD/tấn (tháng 10/2010), Arabica tăng từ mức 2.377 USD/tấn (tháng 3/2010) lên mức 4.200 USD/tấn (tháng 10/2010). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng hỗ trợ lãi suất 6%/năm cho 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê lớn nhất cả nước (trong đó có Tập đoàn Thái Hòa) để thu mua hàng tạm trữ theo chỉ đạo. Điều này là nguyên nhân cho lợi nhuận đột biến của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2010.

(*) ***Lưu ý đối với báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009:***

- Lưu ý tại Báo cáo kiểm toán năm 2009 của Công ty mẹ: "Báo cáo kiểm toán này thay thế báo cáo kiểm toán số 724/BCKT-TC/NV3 ngày 06/05/2010 do Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam phát hành. Nguyên nhân của sự thay đổi này là: Do sau khi phát hành báo cáo kiểm toán số 724/BCKT-TC/NV3, vào ngày 04/10/2010 Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đã họp và ra nghị quyết điều chỉnh giảm khoản trích các quỹ trong năm 2009 từ lợi nhuận chưa phân phối. Việc điều chỉnh này làm cho chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thay đổi, các chỉ tiêu khác không thay đổi so với Báo cáo số 724/BCKT-TC/NV3".

- Lưu ý tại Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2009: "Báo cáo kiểm toán này thay thế báo cáo kiểm toán số 778/BCKT/TC/NV3 ngày 10/05/2010 do Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam phát hành. Nguyên nhân của sự thay đổi này là: Do sau khi phát hành báo cáo kiểm toán số 778/BCKT/TC/NV3, vào ngày 04/10/2010 Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đã họp và ra nghị quyết điều chỉnh giảm khoản trích các quỹ trong năm 2009 từ lợi nhuận chưa phân phối. Việc điều chỉnh này làm cho chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ thay đổi, các chỉ tiêu khác không thay đổi so với Báo cáo số 778/BCKT/TC/NV3".

Chi tiết việc điều chỉnh giảm khoản trích các quỹ trong năm 2009 như sau:

- ✓ Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 847-09/TH-NQ ngày 20/12/2009, Công ty thực hiện tạm trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2008 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền tạm trích
Quỹ đầu tư phát triển	3.098.666.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.549.333.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.098.666.000

Tổng cộng	**7.746.665.000**

✓ Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 679-10/TH-NQ ngày 04/10/2010, Công ty đã thực hiện trích lại các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2008 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Đã tạm trích	Thực hiện trích lại	Chênh lệch
Quỹ đầu tư phát triển	3.098.666.000	929.600.000	2.169.066.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.549.333.000	929.600.000	619.733.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.098.666.000	1.549.333.000	1.549.333.000
Tổng cộng	**7.746.665.000**	**3.408.533.000**	**4.338.132.000**

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Thuận lợi

❖ Về thị trường xuất khẩu

Trong bối cảnh hiện nay, cà phê Việt Nam có thuận lợi như: nhiều thị trường xuất khẩu đã mang tính ổn định, uy tín của cà phê đã được xác định, khả năng xuất khẩu trực tiếp gia tăng; Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ mở đường cho nước ta tăng khối lượng xuất khẩu sang những thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới, có triển vọng tăng xuất khẩu sang Nga, có cơ hội xuất khẩu sang Nhật và các nước ASEAN, có cơ hội thu hút vốn đầu tư tạo điều kiện phát triển công nghệ chế biến ướt, nâng cao chất lượng cà phê; Nhu cầu tiêu thụ cà phê chế biến trên thị trường nội địa có dấu hiệu tăng trưởng; Chính phủ hỗ trợ để phát triển thương hiệu và xúc tiến thương mại.

❖ Về công nghệ sản xuất

Dây chuyền, công nghệ chế biến cà phê hiện đại, đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực cà phê, có hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, mạng lưới khách hàng rộng lớn ở nhiều nước trên thế giới là những thế mạnh của Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam. Những nhân tố này đã góp phần tạo nên thương hiệu và gia tăng giá trị cho hàng hóa của Công ty.

❖ Cơ chế chính sách của Nhà nước

Trong năm 2008 – 2009, khủng hoảng kinh tế thế giới đã làm cho các nền kinh tế đều giảm sút. Tại Việt Nam, để hỗ trợ cho các doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng, Chính phủ đã liên tục

đưa ra các gói kích cầu nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Trong năm 2009, Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam cũng được cấp 400 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi 4% trong gói kích cầu của Chính phủ.

Trong năm 2010, Công ty là một trong 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê lớn nhất cả nước được hưởng hỗ trợ lãi suất 6%/năm để thu mua cà phê tạm trữ theo chỉ đạo của Chính phủ. Chính sách thu mua 200.000 tấn cà phê tạm trữ của Chính phủ Việt Nam kể từ tháng 3/2010 đã có tác động tích cực tới giá cà phê thế giới. Cùng với thông tin giảm sản lượng của một số nước xuất khẩu cà phê lớn là Brazil, Indonesia..., giá cà phê thế giới đã liên tục tăng mạnh. Trong đó, giá cà phê Arabica (thế mạnh của Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam) đã tăng khoảng 76%. Nguyên nhân này đã làm cho lợi nhuận năm 2010 của Công ty tăng đột biến so với năm 2008-2009.

Bên cạnh đó, Công ty cũng nhận được nhiều ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn tiền thuê đất của Chính phủ đối với ngành cà phê.

❖ Niên vụ 2008-2009, Việt Nam được mùa cà phê và tác động của tỷ giá hối đoái

Niên vụ 2008-2009, sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam tăng cao do được mùa. Sản lượng xuất khẩu của Tập đoàn Thái Hòa cũng tăng. Năm 2008, sản lượng xuất khẩu của Công ty đạt hơn 80.000 tấn, năm 2009 đạt 116.000 tấn cà phê các loại. Doanh thu năm 2009 tăng 37% so với năm 2008.

Tỷ giá VND/USD sau khi giảm xuống đáy vào tháng 3/2008, tính đến nay đã diễn biến theo xu hướng tăng liên tục. Do lợi thế có nguồn USD từ xuất khẩu cà phê, Công ty cũng thu được lợi nhuận lớn từ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

7.2.2 Khó khăn

❖ Điều kiện tự nhiên, khí hậu

Với việc thực hiện các dự án trồng cà phê và cao su, sự biến động của các điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng và chất lượng cây cà phê, đặc biệt là cây cà phê Arabica. Trong những năm gần đây, khí hậu toàn cầu và Việt nam có những biến đổi thất thường, ảnh hưởng nhất định đến sản lượng cà phê nước ta, đặc biệt là ở vùng Tây Nguyên, nơi có tỷ trọng cà phê lớn nhất cả nước.

❖ Chi phí lãi vay cao

Do đặc thù trong kinh doanh và quy mô đầu tư, Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam cần huy động một lượng vốn lớn trong giai đoạn thu hoạch cà phê để trả các chi phí thu mua, bảo quản và

chế biến cà phê, đặc biệt là vào Quý IV năm trước đến Quý I năm sau. Với mức vay ngân hàng trung bình khoảng 1.500 tỷ đồng cộng với xu hướng tăng lãi suất huy động trong thời gian qua làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng cao. Đây là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền, tính thanh khoản và lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

❖ Cơ chế chính sách của Nhà nước

Là một doanh nghiệp xuất khẩu, vì thế môi trường pháp lý trong và ngoài Việt Nam, các văn bản quy định về hoạt động kinh doanh, xuất khẩu, thuế quan sẽ có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hệ thống luật doanh nghiệp Việt nam cùng với các văn bản pháp quy trong xuất, nhập khẩu cũng đã được sửa đổi bổ sung hiệu quả hơn, minh bạch hơn và sát với thông lệ quốc tế hơn. Tuy nhiên, vì Việt Nam vẫn đang trong quá trình phát triển và hội nhập, nên tính không ổn định, kém bền vững và thiếu hệ thống, chồng chéo giữa các văn bản pháp luật là khó tránh khỏi, đang và sẽ là rào cản cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, việc hiểu biết các quy định trong thương mại quốc tế của các doanh nghiệp Việt nam nói chung và Công ty nói riêng, đôi khi vẫn còn nhiều hạn chế. Chính điều này cũng sẽ trở thành rào cản cho việc xâm nhập và mở rộng thị trường trong khi vẫn đảm bảo được việc thực thi các quy định của luật pháp quốc tế và của thị trường xuất khẩu.

❖ Ảnh hưởng của giá cà phê trên thị trường thế giới

Niên vụ cà phê 2007-2008, giá cà phê trên thị trường thế giới tăng cao đạt mức 3.200USD/tấn cà phê Arabica và 2.600USD/tấn cà phê Robusta. Nguyên nhân chính là do hoạt động mua vào của các quỹ và của giới đầu cơ tăng mạnh trước tình trạng nguồn cung khan hiếm do thời tiết khô hạn kéo dài ở Brazil (nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới) và động đất ở Columbia (nước sản xuất cà phê đứng thứ ba thế giới). Sang năm 2008-2009, giá cà phê giảm mạnh, cà phê Arabica chỉ còn khoảng 2.800USD/tấn, cà phê Robusta xuống 1.700USD/tấn, giảm còn 70% so với niên vụ trước đó.

Biểu đồ 7: Biến động giá cà phê Arabica và Robusta thế giới năm 1998-2009

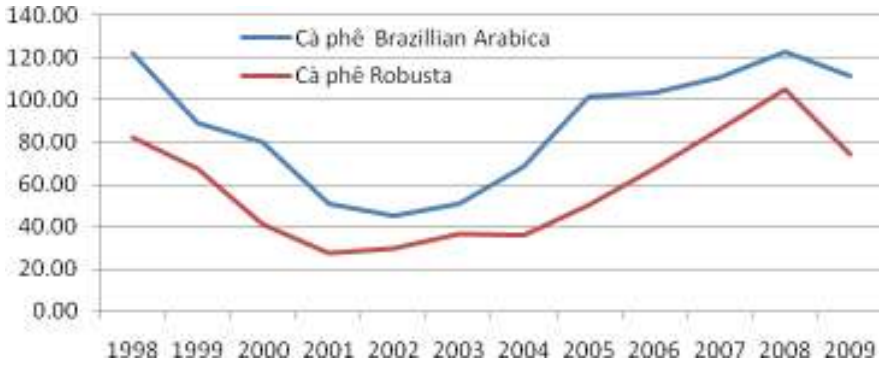

USD cent/lb - Nguồn: ICO

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

8.1.1 Vị thế về kinh nghiệm và quản lý

Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam được thành lập bởi các chuyên gia trong ngành cà phê nên có được những lợi thế cạnh tranh về kinh nghiệm trồng, chế biến và kinh doanh cà phê. Sự hiểu biết sâu sắc về cà phê của Ban lãnh đạo cùng với đội ngũ nhân viên năng động là nội lực vững chắc cho sự phát triển của Tập đoàn. Tới giờ, Tập đoàn đã trải qua gần 15 năm hoạt động, tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm thực tế và từng bước khẳng định được chất lượng sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước.

8.1.2 Vị thế về thương hiệu

Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam là doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Arabica hàng đầu tại Việt Nam và nằm trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê lớn nhất trên toàn quốc.

Hiện nay sản phẩm cà phê Arabica của Công ty đang chiếm tới 50% tổng sản lượng cà phê Arabica xuất khẩu của cả Việt Nam. Trong hai đến ba năm tới, Công ty dự tính tổng giá trị xuất khẩu cà phê Arabica của Công ty sẽ chiếm trên 80% tổng giá trị cà phê Arabica xuất khẩu của Việt nam khi các diện tích trồng cà phê đi vào thu hoạch. Ưu thế vượt trội của cà phê Arabica Thái Hòa nằm chính ở điều kiện sản xuất cà phê của các vùng trồng cà phê của Công ty với điều kiện tự nhiên về đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển cây cà phê cho năng suất cao và chất lượng tốt.

Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào nhiều thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu, bán trực tiếp cho các nhà rang xay và được đấu giá tại Liffe. Tại Châu Á, các sản phẩm của

Công ty được xuất sang nhiều nước trong khu vực, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là xuất sang Trung Quốc. Thương hiệu cà phê Thái Hòa càng trở nên quen thuộc với bạn hàng quốc tế khi Công ty đã và đang thực hiện mở các văn phòng đại diện, giới thiệu sản phẩm tại nhiều nước trên thế giới.

8.1.3 Vị thế về quy mô

Công ty có hệ thống kho bãi quy mô lớn và hệ thống nhà máy sản xuất công nghệ cao với tổng diện tích 57,23ha, tổng công suất chế biến 400.000 tấn/năm(tính đến tháng 8/2010) tại các vùng trồng cà phê tại Việt Nam và Lào, trải dài từ Bắc xuống Nam. Ngoài ra, hiện công ty đang mở rộng các vùng trồng cà phê với diện tích dự kiến lên tới khoảng 3.000 ha đến 2013 để đảm bảo sự ổn định và chất lượng nguồn nguyên liệu.

8.1.4 Vị thế về năng lực tài chính

Tiềm lực về tài chính của Công ty được đánh giá là tương đối mạnh so với các Công ty khác trong ngành kinh doanh cà phê nói riêng và trong ngành kinh doanh sản phẩm nông nghiệp nói chung. Trong số các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh cà phê hiện nay trên thị trường Việt nam, Công ty được xem là một trong những thương hiệu mạnh, với tiềm lực tài chính vững chắc và ổn định và hiệu quả cao trong kết quả sản xuất kinh doanh.

Bảng 13: Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực cà phê tại Việt Nam

I	NĂNG LỰC XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NHÂN (Robusta)	Khối lượng (1000*tấn/năm)
1	Vinacafe - Tây nguyên	186
2	Intimex	142
3	Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	116
4	Công ty 2-9 Tây nguyên	70
5	Công ty TM An Phúc	58
6	Cty TM Trường Ngân	40
7	Cty Thực phẩm Miền Bắc	37
8	Cty Tổng hợp 1	30
9	Cty Bắc Hà	25
10	Cty Tín Nghĩa	22
11	Cty OLAM Việt Nam	80
12	ACOM Việt Nam	50
13	AMARAZO Việt Nam	35

14	OLARDAKMAN	27
15	LUIS Việt Nam	25
II	**NĂNG LỰC SẢN XUẤT CHẾ BIẾN CÀ PHÊ NHÂN**	**(1000* tấn/năm)**
1	Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	400
2	Công ty Đầu tư Tây Nguyên	150
3	Cty 2/9	50
4	Vinacafe Đà Lạt	70
5	Intimex	30
6	ACOM	40
7	OLAM Việt Nam	40
8	OLARDAKMAN	25
9	Netcafe	40
10	Amaro	40
III	**Năng lực xuất khẩu Cà phê Arabica**	**(1000*tấn/năm)**
1	Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	12-15
2	Công chính	3-4
3	OLAM	2-3
4	Vinacafe	1-2
5	Cát Quế	1-1,5
IV	**Năng lực sản xuất cà phê Hoà Tan**	**(tấn/năm)**
1	OLAM Việt Nam	2.500
2	Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	2.000
3	Vinamilk	1.500
4	Vinacafe Biên Hòa	900
5	Nestea Việt Nam	800
6	Trung Nguyên	300

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn trên thế giới, đứng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê Robusta và đứng thứ 2 thế giới về tổng lượng cà phê xuất khẩu hàng năm, sau Brazil. Sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hạt cà phê Robusta sơ chế (khô và ướt).

Với điều kiện tự nhiên thích hợp cho sự phát triển của cây cà phê, các chính sách phát triển cây cà phê của Chính phủ, sự năng động của các doanh nghiệp kinh doanh cà phê cùng với sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật, ngành cà phê Việt nam đã có bước phát triển mạnh cả về diện tích, sản lượng, năng suất và kim ngạch xuất khẩu trong vòng 20 năm qua. Nếu như trong năm 1990, tổng diện tích trồng cà phê của Việt nam chỉ đạt khoảng 119 nghìn ha với tổng sản lượng rất khiêm tốn khoảng 92 nghìn tấn, thì đến cuối năm 2008 con số này đã lên tới 530 nghìn ha và tổng sản lượng 1.055,8 nghìn tấn.

Biểu đồ 8: Diện tích và sản lượng cà phê Việt nam giai đoạn 1990-2008

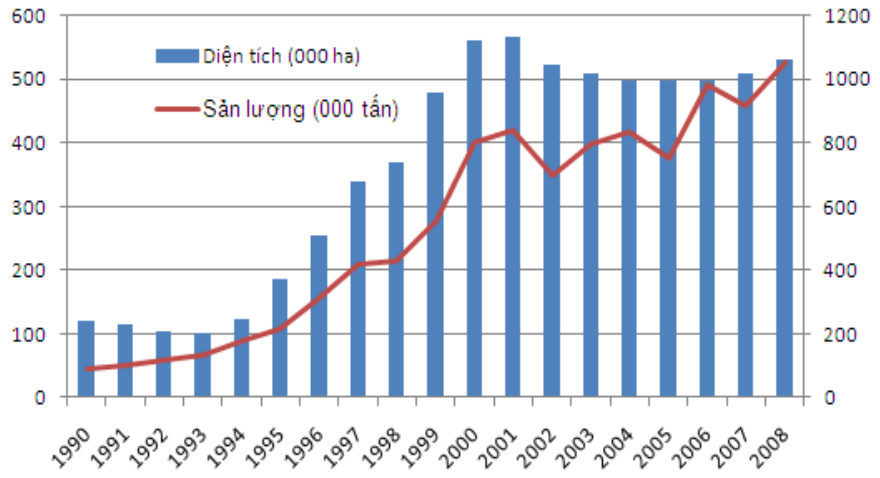

Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Việt nam trồng hai loại cà phê chính là cà phê Robusta và Arabica, trong đó diện tích cà phê vối chiếm hơn 95% tổng diện tích gieo trồng và tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên, chiếm trên 90%. Sở dĩ diện tích trồng cà phê chủ yếu tập trung ở một số khu vực nhất định vì sản xuất cà phê chịu ảnh hưởng rất lớn của điều kiện thời tiết và thổ nhưỡng. Cà phê Việt nam có khả năng cạnh tranh khá mạnh trên thị trường thế giới với chi phí sản xuất khá rẻ do chi phí nhân công thấp tương đối so với các nước sản xuất cà phê trong khu vực và trên thế giới.

Trên 90% sản lượng sản xuất cà phê của Việt nam được xuất khẩu. Số lượng các nước nhập khẩu cà phê của Việt nam tăng mạnh lên gần 100 quốc gia vào cuối năm 2008 so với 50 quốc gia năm 2000. Thị trường nhập khẩu chính của cà phê Việt nam là các thị trường tiêu thụ cà phê lớn trên thế giới như EU, Mỹ, Nhật bản, Trung Quốc.... Kim ngạch xuất khẩu cà phê dao động khoảng hơn 1,5 tỷ USD

Biểu đồ 9: Sản lượng và tỷ trọng xuất khẩu cà phê Việt nam giai đoạn 2000-2008

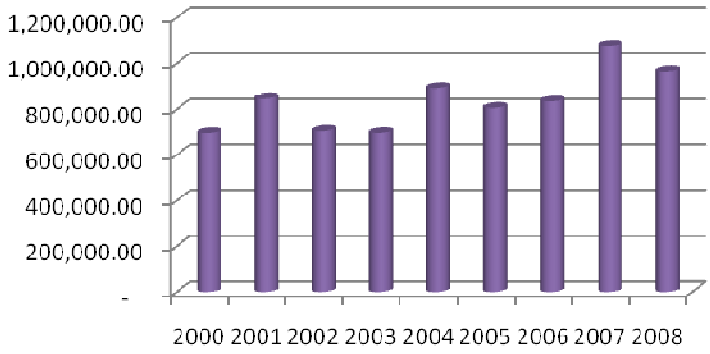

Nguồn: ICO

Biểu đồ 10: Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Việt nam tại những thị trường lớn năm 2008

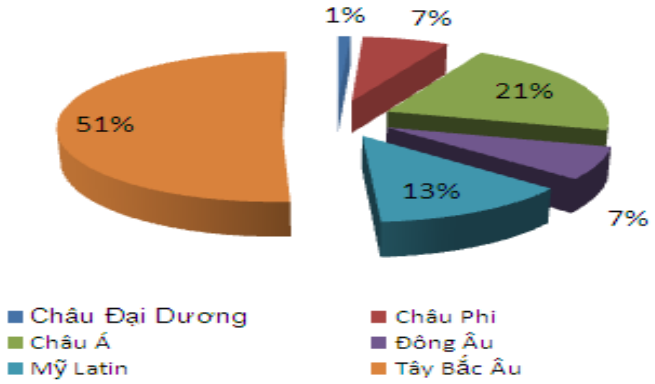

Nguồn: Viện Chính sách và Chiến lược phát triển Nông nghiệp Nông thôn

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hiện tại, tuy Việt Nam đang là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 thế giới (đứng đầu thế giới với mặt hàng cà phê Robusta) nhưng chất lượng cà phê chưa cao vẫn là một điểm yếu lớn. Chính vì vậy mà việc Công ty theo đuổi mục tiêu nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu là phù hợp với định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Chính phủ và xu hướng chung của thế giới.

Chiến lược phát triển vùng nguyên liệu bằng hình thức đầu tư hỗ trợ nông dân và trực tiếp thực hiện đầu tư trồng cây cà phê để thực hiện quy trình chế biến cà phê khép kín là một hướng đi đúng đắn góp phần tạo nên sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp.

Đa dạng hóa các dịch vụ vừa góp phần làm gia tăng giá trị và chất lượng dịch vụ vừa góp phần phân tán rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chú trọng vào việc đầu tư

công nghệ sản xuất hiện đại, đồng bộ và xây dựng đội ngũ nhân sự cũng là một định hướng đúng đắn. Đây là xu thế chung trong sự phát triển của nền kinh tế trong nước và thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Số lượng lao động làm việc tại Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam có thể biến động theo từng thời điểm mùa vụ sản xuất kinh doanh. Vào thời điểm thu hoạch cà phê, số lượng lao động, đặc biệt là số lượng lao động trực tiếp có thể tăng lên đáng kể.

Tại thời điểm 30/09/2010, cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Loại lao động	Số lượng *(Người)*	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ		
▪ Đại học và trên đại học	138	13,7
▪ Trung cấp, cao đẳng	270	26,8
▪ Lao động phổ thông	601	59,5
Phân loại theo tính chất lao động		
▪ Lao động trực tiếp	639	63,3
▪ Lao động gián tiếp	370	36,7
Tổng cộng	**1.009**	**100**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

9.2. Chính sách chế độ đối với người lao động

9.2.1 Chế độ làm việc

Công ty thực hiện các chính sách đối với người lao động dựa trên luật lao động hiện hành và hợp đồng lao động kí kết với người lao động. Các chính sách lương, thưởng, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ, bảo hiểm, phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động.

9.2.2 Chính sách tuyển dụng

Với mục tiêu phát triển thành một tập đoàn hàng đầu về cà phê tại Việt nam và vươn ra trên thị trường quốc tế, Công ty luôn xác định chính sách về nguồn nhân lực là một trong các nhiệm vụ trọng tâm hết sức quan trọng để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong chính sách về chất lượng lao động, Tập đoàn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng phát triển nguồn nhân lực con người đủ về số lượng, chất lượng, không ngừng nâng cao tính chuyên

nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý; Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, xây dựng văn hoá Công ty, đặc biệt nâng cao văn hoá quản lý, văn hoá kinh doanh.

9.2.3 Chính sách lương, khen thưởng, phúc lợi

- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tạo môi trường làm việc thuận lợi để mọi lao động có thể cống hiến và làm việc lâu dài tại Công ty.
- Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.
- Hàng năm, Công ty có chế độ nghỉ và nghỉ phép có lương cho nhân viên chính thức, làm cả ngày và làm một phần thời gian, theo quy định của Luật.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.
- Công tác BHXH, BHYT, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2009, Công ty thực hiện trả cổ tức cho cổ đông với số tiền 23.240.008.000 đồng (tỷ lệ 6,64%/Vốn điều lệ) từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tích lũy tính đến 31/12/2008 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/05/2009. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 04/10/2010, Công ty quyết định không chi trả cổ tức năm 2009 do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không được cao. Dự kiến trong các năm tiếp theo Công ty sẽ phấn đấu trả cổ tức cho cổ đông ở mức khoảng 12%-15%/năm.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế:

- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá trị thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.
- Chi phí khấu hao TSCĐ các năm như sau:

Bảng 14: Thời gian khấu hao tài sản (Công ty mẹ và Hợp nhất)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7-30 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Máy móc, thiết bị	7-10 năm
Thiết bị quản lý	4-7 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

11.1.2 Mức lương bình quân

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	9T/2010
Mức thu nhập cao nhất	35.000.000	50.000.000	50.000.000
Mức thu nhập thấp nhất	3.500.000	4.000.000	4.000.000
Mức thu nhập bình quân	8.000.000	9.000.000	9.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là tốt.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Số dư thuế TNDN phải nộp chi tiết:

Bảng 15: Bảng số dư thuế TNDN phải nộp (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

NĂM	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.110.027.864	9.869.419.426	4.388.179.730

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 16: Bảng số dư thuế TNDN phải nộp (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

NĂM	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.158.537.962	14.897.737.563	16.552.248.370

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

- Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi. Cụ thể số dư trích lập các quỹ đến thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/09/2010:

Bảng 17: Bảng số dư trích lập các quỹ (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1. Quỹ đầu tư phát triển	0	929.600.000	929.600.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	0	929.600.000	929.600.000
3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	0	1.459.964.304	1.459.964.304
Tổng cộng	**0**	**3.319.164.304**	**3.319.164.304**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Năm 2008, Công ty mẹ mới chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần nên chưa thực hiện trích lập các quỹ.

Bảng 18: Bảng số dư trích lập các quỹ (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1. Quỹ đầu tư phát triển	0	974.101.500	3.086.594.256
2. Quỹ dự phòng tài chính	6.844.700	996.094.166	2.564.329.552
3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	65.666.805	1.640.082.101	1.586.500.245
Tổng cộng	**72.511.505**	**3.610.277.767**	**7.237.424.053**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

11.1.6 Tình hình hàng tồn kho

Bảng 19: Bảng tình hình hàng tồn kho (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1. Nguyên vật liệu	3.671.231.441	32.383.848.088	6.080.752.936
2. Công cụ, dụng cụ	0	220.942.821	246.422.821
3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	987.077.996	18.138.845.927	2.019.293.000
4. Thành phẩm	43.824.047.854	36.461.188.297	61.155.268.299
5. Hàng hóa	163.310.334.517	281.517.816.880	590.942.322.052
6. Hàng gửi bán	12.464.078.271	5.072.376.726	14.661.990.000
Tổng cộng	**224.256.770.079**	**373.795.018.739**	**675.106.049.108**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 20: Bảng tình hình hàng tồn kho (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1. Nguyên vật liệu	69.173.246.864	132.290.484.547	22.307.075.838
2. Công cụ, dụng cụ	535.965.869	1.408.121.113	4.549.637.039
3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.833.144.665	61.101.217.725	15.648.525.000
4. Thành phẩm	209.430.641.570	251.805.029.413	405.256.985.250
5. Hàng hóa	174.380.829.675	420.529.235.036	776.482.117.015
6. Hàng gửi bán	31.146.087.815	139.373.349.384	47.289.158.642
Tổng cộng	**518.499.916.458**	**1.006.507.437.218**	**1.271.533.498.784**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Tồn kho của Công ty vào thời điểm cuối năm đều cao và tập trung ở tồn kho thành phẩm và hàng hóa là do đặc điểm mùa vụ của ngành cà phê. Thời gian cao điểm của xuất khẩu cà phê là từ Quý IV năm trước đến Quý I năm sau nên vào thời điểm cuối năm Công ty đều phải tích trữ hàng ở mức cao để đáp ứng được các hợp đồng xuất khẩu cho khách hàng.

Nguyên vật liệu tồn kho ở mức cao vào thời điểm cuối năm cũng do đặc điểm mùa vụ. Cà phê quả tươi thu mua về không tích trữ được lâu mà thường phải đưa vào phơi khô và chế biến sơ chế ngay trong vòng 24h – 48h để đảm bảo chất lượng cà phê. Ngoài ra, việc thu mua nguyên liệu cũng phụ thuộc vào thời điểm thu hoạch quả cà phê. Điều này giải thích nguyên nhân tồn kho cà phê nguyên liệu (đặc biệt là cà phê tươi) thường có giá trị tăng đột biến vào cuối năm.

Lượng hàng tồn kho tại thời điểm 30/09/2010 của Công ty cao là do đây mới là đầu mùa vụ của ngành cà phê, đang trong thời gian tích trữ hàng để chuẩn bị xuất hàng vào đầu Quý IV/2010. Ngoài ra, trong lượng hàng tồn kho này còn có 303 tỷ đồng là hàng mua tích trữ theo chỉ đạo thu mua tạm trữ cà phê của Chính phủ từ tháng 3/2010. Theo chỉ đạo của Chính phủ thì hàng thu mua tạm trữ chỉ được phép bán ra sau ngày 15/10/2010. Lượng hàng này Công ty thu mua với giá bình quân khoảng 26.000 đồng/kg. Giá thu mua cà phê xô vào tháng 10/2010 đã tăng lên 33.000 đồng/kg, do vậy Công ty có lợi thế rất lớn từ lượng hàng tồn kho giá rẻ này. Tuy lượng tồn kho khá lớn nhưng Công ty không chịu rủi ro vì giá cà phê trong năm 2010 liên tục tăng với mức kỷ lục. Cũng vì nguyên nhân này mà Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho lượng hàng tồn kho này.

11.1.7 Tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn

Bảng 21: Bảng tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

NĂM	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tiền gửi có kỳ hạn	9.000.000.000	19.000.000.000	29.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	
Tổng cộng	**9.000.000.000**	**19.000.000.000**	**29.000.000.000**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 22: Bảng tình hình đầu tư tài chính ngắn hạn (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

NĂM	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tiền gửi có kỳ hạn	12.391.075.000	29.500.000.000	39.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	0	2.598.968.435	44.919.595
Tổng cộng	**12.391.075.000**	**32.098.968.435**	**39.544.919.595**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo tiền vay.

11.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Bảng 23: Bảng tình hình các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**292.611.328.059**	**481.484.737.485**	**335.683.252.073**
1. Phải thu của khách hàng	186.663.795.116	237.592.666.801	138.702.009.638
2. Trả trước cho người bán	73.060.216.590	61.756.617.407	62.698.022.825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	140.492.044.824	85.438.378.461
4. Phải thu khác	32.887.316.353	41.643.408.453	48.844.841.149
II. Các khoản phải thu dài hạn	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng	**292.611.328.059**	**481.484.737.485**	**335.683.252.073**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 24: Bảng tình hình các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**484.134.501.318**	**669.297.420.603**	**464.541.489.833**

1. Phải thu của khách hàng	374.067.598.956	504.126.830.821	323.245.335.833
2. Trả trước cho người bán	81.020.620.308	109.610.053.748	81.876.728.658
3. Phải thu khác	29.046.282.054	55.560.536.034	59.419.425.342
II. Các khoản phải thu dài hạn	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng	**484.134.501.318**	**669.297.420.603**	**464.541.489.833**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Các khoản phải thu khác của Công ty có giá trị lớn vì trong đó bao gồm các khoản phải thu do Công ty cho công ty khác mượn hàng để bán, các khoản phải thu từ lợi nhuận được chia, các khoản ứng trước để thu mua nguyên liệu nhưng chưa thực hiện ký hợp đồng mua hàng với nhà cung cấp.

- Các khoản phải trả:

Bảng 25: Bảng tình hình các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Nợ ngắn hạn	**561.412.021.371**	**913.824.161.777**	**1.032.703.047.927**
1. Vay và nợ ngắn hạn	386.540.218.875	670.567.026.000	877.100.695.487
2. Phải trả người bán	129.187.409.884	112.934.844.467	19.639.797.780
3. Người mua trả tiền trước	13.298.216.772	11.899.233.905	5.752.576.822
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.110.027.864	9.869.419.426	4.391.614.730
5. Phải trả công nhân viên	142.840.437	393.999.810	256.235.000
6. Chi phí phải trả	557.805.530	0	3.500.000.000
7. Phải trả nội bộ	22.397.623.641	106.540.648.323	120.039.032.063
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	177.878.368	159.025.542	563.131.741
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	1.459.964.304	1.459.964.304
II. Nợ dài hạn	**111.381.212.000**	**11.946.007.800**	**48.955.154.400**
1. Phải trả dài hạn người bán	0	0	30.555.431.600
2. Vay và nợ dài hạn	111.381.212.000	11.946.007.800	18.399.722.800
Tổng cộng	**672.793.233.371**	**925.770.169.577**	**1.081.658.202.327**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 26: Bảng tình hình các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Nợ ngắn hạn	**1.223.344.872.610**	**1.916.800.025.782**	**1.799.794.235.533**
1. Vay và nợ ngắn hạn	1.103.393.312.554	1.702.725.630.201	1.607.892.441.783
2. Phải trả người bán	75.559.123.502	138.870.983.372	134.365.384.178
3. Người mua trả tiền trước	23.326.151.749	33.310.586.341	24.468.400.832
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.747.131.290	25.614.854.003	16.559.973.936
5. Phải trả công nhân viên	1.568.522.749	2.904.389.330	2.746.560.034
6. Chi phí phải trả	557.805.530	696.368.976	4.370.734.179
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.127.158.431	11.037.131.458	7.804.240.346
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	65.666.805	1.640.082.101	1.586.500.245
II. Nợ dài hạn	**124.571.585.000**	**139.876.397.279**	**216.930.652.279**
1. Phải trả dài hạn người bán	0	22.195.384.479	51.712.590.479
2. Vay và nợ dài hạn	124.571.585.000	117.681.012.800	165.218.061.800
Tổng cộng	**1.347.916.457.610**	**2.056.676.423.061**	**2.016.724.887.812**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

(*) Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi kể từ năm tài chính 2010 sẽ được trình bày trên Mục Nợ phải trả của Báo cáo tài chính kiểm toán. Để thống nhất về cách đưa thông tin trong Bản cáo bạch, chúng tôi trình bày như ở bảng trên.

Các khoản phải trả, phải nộp khác của Công ty có giá trị lớn do đây là các khoản chuyển tiền trước để mua hàng nhưng chưa ký hợp đồng mua bán.

Khoản phải trả nội bộ của Công ty mẹ là các khoản thu mua hàng cà phê từ các công ty con để phục vụ xuất khẩu.

- Chi tiết vay và nợ ngắn hạn

Bảng 27: Chi tiết vay và nợ ngắn hạn, dài hạn (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Vay và nợ ngắn hạn	**386.540.218.875**	**670.567.026.000**	**877.100.695.487**
1. Vay Vietcombank	100.000.000.000	177.805.000.000	170.250.700.000
2. Vay Habubak	17.600.000.000	100.000.000.000	124.922.830.000
3. Vay Agribank	17.600.000.000	46.000.000.000	403.719.407.863

4. Vay Ngân hàng Quân Đội	30.000.000.000	50.000.000.000	45.099.997.624
5. Vay Ngân hàng Hàng Hải	0	99.997.650.000	99.335.870.000
6. Vay Ngân hàng Quốc tế	21.800.000.000	50.000.000.000	29.988.000.000
7. Vay Ngân hàng HSBC	127.457.866.405	95.500.000.000	0
8. Vay Ngân hàng Tiên Phong	0	36.100.000.000	0
9. Vay Ngân hàng BIDV	0	9.000.000.000	0
10. Vay Techcombank	54.220.808.470		
11. Vay cá nhân	0	964.376.000	2.883.890.000
12. Vay dài hạn đến hạn trả	18.461.544.000	5.200.000.000	900.000.000
II. Vay và nợ dài hạn	**111.381.212.000**	**11.946.007.800**	**18.399.722.800**
1. Vay Vietcombank	111.381.212.000	11.946.007.800	18.399.722.800
Tổng cộng	**497.921.430.875**	**681.548.657.800**	**895.500.418.287**

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 28: Chi tiết vay và nợ ngắn hạn, dài hạn (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
I. Vay và nợ ngắn hạn	**1.103.393.312.554**	**1.702.725.630.201**	**1.607.892.441.783**
1. Vay Vietcombank	100.000.000.000	177.805.000.000	170.250.700.000
2. Vay Habubak	17.600.000.000	100.000.000.000	124.922.830.000
3. Vay Agribank	247.209.425.779	354.856.327.000	710.704.271.159
4. Vay Ngân hàng Quân Đội	30.000.000.000	50.000.000.000	45.099.997.624
5. Vay Ngân hàng Hàng Hải	0	199.997.650.000	198.435.870.000
6. Vay Ngân hàng Quốc tế	21.800.000.000	50.000.000.000	29.988.000.000
7. Vay Ngân hàng HSBC	127.457.866.405	95.500.000.000	0
8. Vay Ngân hàng Tiên Phong	0	36.100.000.000	0
9. Vay Ngân hàng BIDV	187.095.400.000	203.195.404.000	0
10. Vay Techcombank	204.215.366.970	221.703.862.000	125.435.073.000
11. Vay Eximbank	47.450.000.000	5.000.000.000	0
12. Vay Ngân hàng An Bình	100.628.694.400	100.000.000.000	114.779.500.000
13. Vay Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội		75.000.000.000	76.800.000.000
14. Vay cá nhân	1.475.015.000	9.905.847.201	2.883.890.000

15. Vay dài hạn đến hạn trả	18.461.544.000	23.661.540.000	8.592.310.000
II. Vay và nợ dài hạn	**124.571.585.000**	**117.681.012.800**	**165.218.061.800**
1. Vay Vietcombank	111.381.212.000	11.946.007.800	18.399.722.800
2. Vay Agribank	13.190.373.000	105.735.005.000	146.818.339.000
Tổng cộng	**1.226.489.882.554**	**1.795.780.723.001**	**1.773.110.503.583**

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Trong các khoản phải trả, vay nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm thường xuyên ở mức cao do đây là lúc cao điểm nhất trong niên vụ cà phê của Công ty (từ Quý IV năm trước đến Quý I năm sau). Tại thời điểm này, Công ty phải huy động vốn lớn để tích trữ hàng hóa đáp ứng cho các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 30/09/2010, nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn là 91,6% trên tổng nợ vay, tương ứng với 1.561 tỷ đồng. Lý do Công ty duy trì mức vay nợ cao là:

- Một phần nợ vay với giá trị 303 tỷ đồng tài trợ cho lượng hàng tồn kho do Chính phủ chỉ định thu mua tạm trữ cà phê từ tháng 5/2010. Lượng hàng này Công ty mua với mức giá trung bình khoảng 26.000 đồng/kg (Giá cà phê tháng 10/2010 tăng lên hơn 33.000 đồng/kg). Với các khoản vay để thực hiện thu mua tạm trữ Công ty được hỗ trợ lãi suất 6%/năm. Do vậy, duy trì vay nợ cao, Công ty sẽ được hưởng lợi từ chi phí vốn thấp.
- Các khoản nợ khác đều được các Ngân hàng tài trợ vốn dựa trên hóa đơn nhập hàng hóa, hợp đồng xuất khẩu mà công ty đã ký kết với các đối tác. Nguồn trả nợ cho các khoản vay này là tiền thu về từ các hợp đồng xuất khẩu. Lãi suất vay của Công ty thường được ưu đãi theo các chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ. Đặc biệt năm 2009 khi có các gói kích cầu cho các doanh nghiệp vay vốn ưu đãi, Công ty đã có được 400 tỷ vay với lãi suất ưu đãi kích cầu đó với mức hỗ trợ lãi suất 4%/năm.

Sau khi xuất hàng cho niên vụ cà phê vào Quý IV/2010 và Quý I/2011 thì khoản vay nợ đó sẽ giảm xuống. Đồng thời việc phát hành tăng vốn điều lệ từ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu sẽ giảm áp lực vay vốn của Công ty. Việc tăng vay nợ ngắn hạn là phù hợp sự gia tăng về số lượng các hợp đồng xuất khẩu ký kết được và kế hoạch tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Các ngân hàng thương mại vẫn còn có thể thêm cấp hạn mức khoảng 500 tỷ đồng cho Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam.

Các khoản nợ vay dài hạn từ ngân hàng là 165 tỷ đồng là để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến cà phê phục vụ sản xuất kinh doanh.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,02
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,63	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,09	71,58
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	271,64	252,88
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1,18	6,93
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	33,06	163,73
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,38	0,17
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,47	1,00
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,13	0,28
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,53	0,18

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,95	0,96
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,64	83,60
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	550,04	571,48
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,41	4,03
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	78,71	131,50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (*)	%	-	0,04
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (*)	%	-	0,37
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (*)	%	-	0,05
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (*)	%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

(*): Do Lợi nhuận giai đoạn 19/5-31/12/2008 và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2009 trên báo cáo hợp nhất là âm nên không tính các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có liên quan.

Ghi chú: *Số liệu tài chính năm 2008 là số liệu đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008 o giai đoạn từ 19/05/2008 đến 31/12/2008*

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

12.1.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn An			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	19/05/1956	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	D21, Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội		
Nơi sinh	Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 011875644 cấp ngày 01/10/2002 tại Hà Nội	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế nông nghiệp		
Quá trình công tác: • 1983 – 1986: Cán bộ kế hoạch ở Nông trường Cà phê Tây Hiếu – Nghệ An • 1986 – 1987: Cán bộ pháp chế tại Liên hiệp Phủ Quỳ - Nghệ An			

• 1987 – 1992: Cán bộ kiểm tra chất lượng tại Tổng Công ty Rau quả Việt Nam • 1992 – 1995: Trưởng phòng Kinh doanh tại Tổng Công ty Cà phê Việt Nam • 1996 – 2007: Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa (Nay là CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam) • 2008 – Nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP Cà phê An Giang
Số cổ phần nắm giữ:	22.750.000 cổ phần, chiếm 41,36% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan + Vợ: Ngô Thị Hạnh + Con: Nguyễn Đăng Ninh	12.250.000 cổ phần, chiếm 22,27% VĐL 12.215.000 cổ phần, chiếm 22,21% VĐL 35.000 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL

12.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị

Ngô Thị Hạnh			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	27/05/1963	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	D21, Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội		
Nơi sinh	Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 012642853 cấp ngày 20/10/2003 tại Hà Nội	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Sỹ quan tài chính quân đội		
Quá trình công tác: • 1985 – 1986: Làm việc tại Bộ Tham Mưu, Bộ Quốc Phòng (tại địa bàn Campuchia)			

• 1986 – 1992: Kế toán tại Nhà máy in Bộ Tham Mưu, Bộ Quốc Phòng • 1992 – 2002: Kế toán trưởng Nhà máy in Bộ Tham Mưu, Bộ Quốc Phòng • 2002 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa (Nay là CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam) • 2006 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Cà phê An Giang
Số cổ phần nắm giữ:	12.215.000 cổ phần, chiếm 22,21% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan + Chồng: Nguyễn Văn An + Con: Nguyễn Đăng Ninh	22.785.000 cổ phần, chiếm 41,42% VĐL 22.750.000 cổ phần, chiếm 41,36% VĐL 35.000 cổ phần, chiếm 0,06% VĐL

12.1.3 Thành viên Hội đồng quản trị

Lương Đức Loan			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Trị
Ngày tháng năm sinh	5/5/1938	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội		
Nơi sinh	Quảng Trị		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 010735642 cấp ngày 10/4/2008 tại Hà Nội	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư		

Quá trình công tác: • 1975 – 1986: Trưởng bộ mô nghiên cứu đất, viện thổ nhưỡng nông hóa, Bộ nông nghiệp • 1987 – 1996: Giám đốc trung tâm nghiên cứu đất, phân bón và Môi trường Tây Nguyên • 1996 – 2001: Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và phát triển cà phê chè • 2005 – 2010: Trợ lý kỹ thuật Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa (nay là Công ty CP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)	
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Trợ lý kỹ thuật, Thành viên HĐQT
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

12.1.4 Thành viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Kim Tú			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nam Định
Ngày tháng năm sinh	13/8/1977	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	xóm Gà, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội		
Nơi sinh	Nam Định		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 012993480 cấp ngày 03/08/2007 tại Hà Nội	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ thực phẩm		
Quá trình công tác: • 2000 - 2002: Nhân viên Phòng chất lượng Công ty TNHH SX& TM Thái Hòa • 2002 - 2003: Trưởng phòng chất lượng chi nhánh Công ty TNHH SX&TM Thái Hòa tạ			

Lâm Đồng • 2003 – 2004: Trưởng phòng chất lượng, chi nhánh Công ty TNHH SX&TM Thái Hòa tại Quảng Trị • 2004 - 2005: Phụ trách sản xuất và chất lượng mảng cà phê tiêu dùng Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thái Hòa • 2005 – 2007: Quản lý sản xuất Công ty TNHH Hương Gia Vị Sơn Hà • 2007 – 2009: Giám đốc nhà máy Công ty cổ phần Cà phê An Giang • 2009 – 2010: Giám đốc nhà máy Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng • 2010 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng, Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam	
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Thành viên HĐQT
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng
Số cổ phần nắm giữ:	2.000 cổ phần, chiếm 0,004% VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

12.1.5 Thành viên Hội đồng quản trị

Hà Thị Kim Thoa			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Phú Thọ
Ngày tháng năm sinh	24/11/1977	Dân tộc	Mường
Địa chỉ thường trú	P202 N6D Trung Hòa – Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội		
Nơi sinh	Phú Thọ		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 012872355 cấp ngày	

Trình độ văn hóa	12/12	28/04/2006 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác: • 1997 – 2003: Giáo viên Trường tiểu học Minh Đài, Thanh Sơn, Phú Thọ • 2003 – 2005: Công tác tại Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ Thuật – Tổng Công ty chè VN • 2006 – 2009: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Đức Hòa • 2009 – Nay: Kế toán tại CTCP Tập đoàn Thái Hòa (Nay là CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam), Thành viên hội đồng quản trị		
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Thành viên HĐQT	
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	3.000 cổ phần, chiếm 0,005% VĐL	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần	

12.2. Ban Tổng Giám đốc

12.2.1 Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn An – Xem mục HĐQT

12.2.2 Phó Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Hạnh – Xem mục HĐQT

12.3. Ban kiểm soát

12.3.1 Trưởng Ban kiểm soát

Hoàng Thị Thu Dung			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	20/01/1966	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	48 Hoa Sứ, P7, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM		

Nơi sinh	Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 220907024 cấp ngày 21/11/2001 tại Khánh Hòa	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: • 1988 – 2000: Nhân viên kế toán tại Công ty Vật tư chế biến cung ứng cà phê XK Nha Trang • 2000 – 2005: Phó kế toán trưởng tại Công ty vật tư chế biến cung ứng cà phê XK Nha Trang • 2005 – 2007: Kế toán tổng hợp Tổng công ty viễn thông quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa • 2007 – 2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH Anh Hữu tại Tp.HCM • 2009 – Nay: Kế toán trưởng CTCP Thương mại Cà phê Thái Hòa, Trưởng ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam			
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Trưởng Ban kiểm soát		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Kế toán trưởng CTCP Thương mại Cà phê Thái Hòa		
Số cổ phần nắm giữ:	2.000 cổ phần, chiếm 0,004% VĐL		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	5.000 cổ phần, chiếm 0,009% VĐL		

12.3.2 Thành viên Ban kiểm soát

Bùi Văn Thìn			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	23/11/1965	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tân Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng		
Nơi sinh	Hà Nội		

Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 250394010 cấp ngày 01/03/2008 tại Lâm Đồng
Trình độ văn hóa	10/10	
Trình độ chuyên môn	10/10	
Quá trình công tác: • 1988 – 1989: Kế toán trưởng- xí nghiệp cơ khí Di Linh- Lâm Đồng • 1990 – 1992: Quản đốc phân xưởng- xí nghiệp liên doanh dâu tằm tơ Di Linh-Lâm Đồng • 1993 – 1994: Phụ trách thu mua của Công ty dâu tằm tơ Lộc Đức-Chi nhánh Phú Hiệp- Di Linh, Lâm Đồng • 1996 – 2000: Kế toán trưởng- Doanh nghiệp tư nhân Bá Long- 218Bis, Huỳnh Văn Bánh, Q . Phú Nhuận, TPHCM • 2001 – 2002: Phó giám đốc- Công ty SX&TM Thái Hòa chi nhánh Lâm Đồng • 2003 – 2004: Phó phòng kế toán Công ty SX&TM Thái Hòa • 2005 – 2009: Phó giám đốc Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng • 2010 – Nay: Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam		
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Thành viên HĐQT	
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng	
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần	

12.3.3 Thành viên Ban kiểm soát

Đan Thùy Dương			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Hưng Yên

Ngày tháng năm sinh	19/08/1965	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	10B, Q13 Nguyễn An Ninh, Hoàng Mai, Hà Nội		
Nơi sinh	Hà Nội		
Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 011137045 cấp ngày 15/07/2004 tại Hà Nội	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác: • 1988 – 2002: Nhân viên Công ty chế biến XK và Cung ứng Lâm sản Hà Nội • 1993 – 1994: Nhân viên Công ty ăn uống và dịch vụ Hoàn Kiếm • 1994 – 2009: Nhân viên Công ty Du lịch Hồ Gươm • 2009 – Nay: Nhân viên phòng Hành chính – nhân sự, Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam			
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY	Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ:	1.000 cổ phần, chiếm 0,002% VĐL		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần		

12.4. Kế toán trưởng

Ngô Thị Hiếu			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	26/10/1972	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P303, nhà D16, Phương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội		
Nơi sinh	Nghệ An		

Quốc tịch	Việt Nam	Số CMND số 013080435 cấp ngày 03/05/2008 tại Hà Nội
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	303, D16 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	
Quá trình công tác: • 1991 – 1996: Nhân viên thuộc bộ môn phân tích Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phủ Quỳ • 1996 – 1998: Học kế toán tại Trung học và dạy nghề Nông nghiệp và PTNT I • 1998 – 2000: Nhân viên Trung tâm nghiên cứu cây ăn quả Phủ Quỳ • 2000 – 2007: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH SX&TM Thái Hòa • 2007 – Nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX&TM Thái Hòa (Nay là CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)		
Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY		Kế toán trưởng
Chức vụ công tác tại tổ chức khác		Không
Số cổ phần nắm giữ:		2.000 cổ phần, chiếm 0,004%VĐL
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với công ty		Không
Lợi ích liên quan đối với công ty		Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		2.000 cổ phần, chiếm 0,004%VĐL

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

- Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2008 như sau:

Bảng 31: Bảng tại sản cố định tại ngày 31/12/2008 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**16.439.952.115**	**9.900.319.467**	**6.539.632.648**	**39,78%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.705.784.441	1.113.692.319	2.592.092.122	69,95%

Máy móc và thiết bị	8.198.394.877	6.194.942.960	2.003.451.917	24,44%
Phương tiện vận tải	4.335.828.849	2.430.217.180	1.905.611.669	43,95%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	199.943.948	161.467.008	38.476.940	19,24%
Tài sản cố định vô hình	**60.000.000**	**0**	**60.000.000**	**100,00%**
Tổng cộng	**16.499.952.115**	**9.900.319.467**	**6.599.632.648**	**40,00%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 32: Bảng tài sản cố định tại ngày 31/12/2008 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**184.003.887.973**	**37.378.859.616**	**146.625.028.357**	**79,69%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	68.413.204.056	6.016.982.644	62.396.221.412	91,20%
Máy móc và thiết bị	95.213.395.161	26.249.578.487	68.963.816.674	72,43%
Phương tiện vận tải	18.968.905.468	4.424.832.000	14.544.073.468	76,67%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.408.383.288	687.466.485	720.916.803	51,19%
Tài sản cố định vô hình	**1.084.941.599**	**96.928.403**	**988.013.196**	**91,07%**
Tổng cộng	**185.088.829.572**	**37.475.788.019**	**147.613.041.553**	**79,75%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2008 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

- Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Bảng 33: Bảng tài sản cố định tại ngày 31/12/2009 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**17.054.673.405**	**11.334.740.248**	**5.719.933.157**	**33,54%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.705.784.441	1.311.065.393	2.394.719.048	64,62%
Máy móc và thiết bị	8.449.699.423	7.105.431.727	1.344.267.696	15,91%

Phương tiện vận tải	3.999.085.395	2.651.210.241	1.347.875.154	33,70%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	900.104.146	267.032.887	633.071.259	70,33%
Tài sản cố định vô hình	**60.000.000**	**12.000.000**	**48.000.000**	**80,00%**
Tổng cộng	**17.114.673.405**	**11.346.740.248**	**5.767.933.157**	**33,70%**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 34: Bảng tài sản cố định tại ngày 31/12/2009 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**496.660.677.050**	**73.684.753.937**	**422.975.923.113**	**85,16%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	231.625.750.954	16.727.108.915	214.898.642.039	92,78%
Máy móc và thiết bị	208.644.444.586	47.500.460.013	161.143.984.573	77,23%
Phương tiện vận tải	33.995.777.144	7.836.859.668	26.158.917.476	76,95%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	22.394.704.366	1.620.325.341	20.774.379.025	92,76%
Tài sản cố định vô hình	**4.126.538.759**	**162.700.735**	**3.963.838.024**	**96,06%**
Tổng cộng	**500.787.215.809**	**73.847.454.672**	**426.939.761.137**	**85,25%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2009 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

- Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 30/09/2010 như sau:

Bảng 35: Bảng tài sản cố định tại ngày 30/09/2010 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**20.221.474.564**	**12.129.888.928**	**8.091.585.636**	**40,01%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.935.161.804	1.428.177.814	4.506.983.990	75,94%
Máy móc và thiết bị	9.335.593.674	7.412.918.555	1.922.675.119	20,60%
Phương tiện vận tải	3.999.085.395	2.874.653.811	1.124.431.584	28,12%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	951.633.691	414.138.748	537.494.943	56,48%
Tài sản cố định vô hình	**60.000.000**	**21.000.000**	**39.000.000**	**65,00%**

Tổng cộng	**20.281.474.564**	**12.150.888.928**	**8.130.585.636**	**40,09%**

(Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 36: Bảng tài sản cố định tại ngày 30/09/2010 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**571.251.926.094**	**111.069.429.714**	**460.182.496.380**	**80,56%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	283.917.021.078	29.207.620.867	254.709.400.211	89,71%
Máy móc và thiết bị	214.238.799.218	66.722.834.437	147.515.964.781	68,86%
Phương tiện vận tải	36.335.731.982	11.815.224.884	24.520.507.098	67,48%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	36.760.373.816	3.323.749.526	33.436.624.290	90,96%
Tài sản cố định vô hình	**6.703.415.849**	**206.076.946**	**6.497.338.903**	**96,93%**
Tổng cộng	**577.955.341.943**	**111.275.506.660**	**466.679.835.283**	**80,75%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 37: Bảng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Hạng mục	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Sửa chữa văn phòng Giáp Bát	30.899.435	4.044.736.797	142.041.668
Dự án Nhà máy Buôn Ma Thuột GĐ2	0	47.249.795.252	47.944.088.363
Dự án tại Sơn La	0	111.526.324	467.717.939
Dự án Nhà máy chế biến cà phê Lâm Đồng	193.259.578.812	0	0
Dự án trồng cà phê Sepond Lào	0	450.283.026	5.450.283.026
Dự án trồng cao su tại Lào	18.511.830.211	11.322.532.277	16.355.659.277
Tổng cộng	**219.568.133.051**	**63.178.873.676**	**70.359.790.273**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 38: Bảng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Hạng mục	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Phần mềm quản lý	1.930.651.581	1.930.651.581	1.930.651.581
Dự án nhà máy sản xuất phân vi sinh Lâm Đồng	0	0	879.622.549
Dự án Nhà máy chế biến cà phê Lâm Đồng	199.696.247.318	492.069.602	152.471.000
Dự án tại Sơn La	7.765.824.593	2.445.531.483	17.088.868.755
Sửa chữa lớn	75.189.435	4.194.665.297	142.041.668
Dự án Nhà máy Buôn Ma Thuột	23.415.530.760	48.171.633.636	47.944.088.363
Nhà kho Khu công nghiệp Tam Phước	22.020.813.404	0	0
Nhà máy chế biến cà phê Hướng Tân	2.584.962.213	2.888.920.540	661.910.677
Xây dựng nhà xưởng tại Lào	4.949.855.862	48.031.429.200	111.172.071.936
Dự án ở Mường Ảng	0	24.976.806.096	39.441.190.330
Dự án phân vi sinh ở Nghệ An	1.162.235.209	1.356.822.381	1.397.007.836
Dự án trồng cao su	0	11.772.815.303	93.356.164.406
Dự án trồng cà phê	26.361.722.646	19.038.643.478	23.665.155.379
Các công trình khác	0	0	967.037.926
Tổng cộng	**219.568.133.051**	**63.178.873.676**	**338.798.282.406**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

13.2. Đất đai

TT	Tên công ty thành viên	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức Sở hữu	Thời gian sử dụng	Nghĩa vụ tài chính	Tình trạng hiện nay
1	**Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma Thuột**	M9 Trần Nhật Nhuận, Tp Buôn Ma Thuật	101 m^2 Và 9000m2 kho bãi, 5500m2 nhà máy sản xuất	Văn phòng và xây dựng sàn giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột.	Hợp đồng thuê số 44/HĐT	- Đối với mảnh đất thuê: 02năm (từ 01/10/2009 đến 01/10/2011) - Đối với kho bãi và sàn giao dịch: Lâu dài	Thanh toán tiền thuê đất theo hợpđồng thuê	Hiện nay, Thái hòa đang thuê 101m2 theo hợp đồng số 44/HĐT để lam văn phòng. Đồng thời, Thái Hòa đang quản lý 9000m2 kho bãi và 5500m2 cho nhà máy sản xuất. Công ty đang xây dựng kế hoạch xây dựng sàn giao dịch cà phê tại Buôn Ma Thuột.
2	**Công ty CP cà phê Thái Hòa Hòa Bình**	Xã Ngọc Lâu và xã Ngọc Sơn huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	-Theo hợp đồng thuê đất: 90ha -Diện tích trồng thực tế: 126ha	-Trồng cà phê nguyên liệu	QĐ số 1510/QĐ-UBND ngày 29/6/07 thời hạn 50 năm.	50 năm	Thực hiền các nghĩa vụ tài chính với chính quyền địa phương theo hợp đồng	Hiện nay, Công ty đã thực hiện trồng được 126ha. QĐ cấp 850 ha sắp tới sẽ làm theo hình thức góp đất của người dân theo hình thức cổ phần.
		Xóm xê 3, xã Ngọc Lâu, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	2,2ha	Khu điều hành và vườn ươm giống cây cà phê	HĐ thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 25/7/08	50 năm	Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thuê với chính quyền địa phương	
		Cụm Khu Công nghiệp Đầm Đuống, Xã Ân Nghĩa và Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn	27ha	Xây dựng cụm khu công nghiệp	HĐ số 623/TT-UBND ngày 12/09/06			
3	**Công ty Liên Doanh Thái Hòa Lào -Việt**	Làng Katuôt, phường Pakxong, tỉnh Chămpasak, CHDCND Lào	206ha	Trồng Cà phê và xây dựng nhà máy chế biến ướt và khô	-	15 năm (25/3/2008 đến 25/3/2023)	Thực hiện nghĩa vụ đã kí kết với địa phương Lào	Thực tế hiện nay công ty đã được giao 200ha đất theo 2 hợp đồng đã kí. Tuy nhiên khả năng giao đất là trên 3000ha.

4	**Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị**	Cụm khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	1.63ha	Trồng cà phê và nhà máy chế biến	QĐ số 2096/QĐ-UB ngày 5/7/04	50 năm		
		Xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	287ha	Trồng cây lâu năm, cà phê Arabica	GCN QSD đất số AD 213990 ngày 20/4/06	50 năm		Hiện đang làm hồ sơ giao bổ sung 200ha
		Cụm công nghiệp Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị	3ha	Cơ sở sản xuất kinh doanh,nhà máy chế biến quả tươi	GCNQSD đất số AK 849216 ngày 2/1/2007	50 năm	Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng	Trong thời gian tới, Công ty sẽ được cấp thêm 11ha nữa
		Cụm khu công nghiệp thương mại - dịch vụ Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.	0,69ha	Mở rộng nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu, nhà văn phòng	HĐ 05/2009/HĐTĐ ngày 12/8/09	50năm		
		Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	1,3ha	Cơ sở sản xuất kinh doanh, xí nghiệp chế biến cà phê	HĐ 01/HĐTLTS ngày 21/10/09	50 năm		
		Khu TM Lao Bảo, thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	0,7ha	Xây dựng văn phòng và làm sân phơi tự nhiên	GCNQSD đất AB 595412 24/01/05	50 năm		
5	**Công ty cổ phần cà phê An Giang**	Khu Công nghiệp Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai	1,5ha	Cơ sở sản xuất kinh doanh	-	50 năm		Và hiện nay công ty cũng có thêm một khu đất khác với diện tích 1,6ha
6	**Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng** Tuy nhiên chỉ một phần trong đó đã được cấp giấy chứng	Thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	18,849m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh	GCNQSD AK 040500 ngày 16/11/07	50 năm		Dự kiến sẽ mở rộng ra 3ha
		Thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	8,849.5m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh	GCNQSD đất ngày 16/11/07	50 năm		
		Xã Đạ Đờn, Lâm Hà Lâm Đồng	8,336.5m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh	GCN ngày 12/6/08			

	nhận sử dụng đất.	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	71,099 m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh	GCN 24/2/06	50 năm		
		Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	7,508m2	Cơ sở sản xuất kinh doanh	GCNQSD ngày 30/6/2004	50 năm		
7	**Công ty TNHH Thái Hòa Nghệ An**	Xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	18,900.0m^2	Nhà máy chế biến phân hữu cơ ví sinh	GCNQSD Đ 297763 ngày 24/6/2004	30 năm	Nộp tiền thuê một lần theo hợp đồng	
		Xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	5,700m^2	Cơ sở sản xuất và chế biến hàng nông sản	GCNQSD 00008QSDĐ/917QĐ	50 năm		
		Xóm chế biến 2, Xã Tây Hiếu, Nghĩa Đàn, Nghệ an	240m2	Khu văn phòng	GCNQSD số 1455 QSDD	Lâu dài		
8	**Công ty CP cà phê Thái Hòa Mường Ảng**	Trồng cà phê Arabica	500 ha					Thực hiện góp cổ phần với dân, dân góp đất
9	**Công ty CP cà phê Thái Hòa Sơn La**	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Đức Sơn, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	43,172.1m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh, bao gồm 3 nhà máy chế biến cà phê, với tổng dự án đầu tư 170tỷ đồng	GCNQSD AO 154135 ngày 17/7/2009	50 năm		
		Trại giống Mường Hồng, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	47,857.4m^2	Cơ sở sản xuất kinh doanh, trồng cây giống cà chăn nuôi lợn và nhím	GCNQSD 17/7/2009	50 năm		Dự án trồng cà phê ở Sơn La và sớm đưa vào thực hiện
10	**Công ty CP Tập đoàn Thái Hòa**	D21 Phương Mai, Phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	300m^2	Văn phòng	Hợp đồng thuê nhà số 25-09/TH-HĐ ngày 01/01/2008	3 năm		
		K 500 xã Liên Ninh, Thanh Trì	5,000m^2	Nhà máy chế biến cà phê tại Hà Nội	Hợp đồng Liên Doanh Ngày 06/5/2001	10 năm		

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch trong các năm 2010-2013

Bảng 39: Bảng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2010 – 2013

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (tr.đ)	% thay đổi so với 2009	Giá trị (tr.đ)	% thay đổi so với 2010	Giá trị (tr.đ)	% thay đổi so với 2011	Giá trị (tr.đ)	% thay đổi so với 2012
Công ty mẹ								
Vốn điều lệ	550.000	67%	550.000	0%	1.000.000	81,8%	1.000.000	0%
Doanh thu thuần	1.892.000	-10,5%	2.103.640	11,2%	2.412.412	14,7%	2.689.729	11,5%
Lợi nhuận trước thuế	57.120	1.058,3%	71.464	25,1%	81.993	14,7%	97.439	18,8%
Lợi nhuận sau thuế	42.840	1.075,8%	53.598	25,1%	61.495	14,7%	73.079	18,8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,3%	2,1%	2,5%	0,2%	2,5%	0%	2,7%	0,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,8%	6,8%	9,7%	1,9%	6,1%	-3,6%	7,3%	1,2%
Hợp nhất								
Vốn điều lệ	550.000	67%	550.000	0%	1.000.000	81,8%	1.000.000	0%
Doanh thu thuần	4.114.039	27%	4.604.062	11,9%	5.352.069	16,2%	6.111.468	14,2%
Lợi nhuận trước thuế	100.289	10.051%	168.708	68,2%	232.823	38,0%	371.338	59,5%
Lợi nhuận sau thuế	90.238	6.720%	152.486	69,0%	212.052	39,1%	348.160	64,2%
Tỷ lệ lợi nhuận	2,2%	215%	3,3%	1,1%	4,0%	0,7%	5,7%	1,7%

sau thuế/Doanh thu thuần								
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,4%	1.604%	27,7%	11,3%	21,2%	-7%	34,8%	13,6%
Cổ tức	12%	5,36%	15%	3%	15%	0	15%	

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)
(*) Do Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN nên lợi nhuận sau thuế của Công ty cao.
(*) Sau khi niêm yết, Công ty sẽ thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2010 khoảng 12%. Dự kiến chi trả vào 1/2011

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng cho các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động thương mại cà phê và hoạt động trồng cà phê. Trong 3 năm tới, hoạt động kinh doanh thương mại vẫn đóng vai trò chủ đạo và đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu và lợi nhuận của toàn Tập đoàn. Trong đó, các hoạt động kinh doanh, chế biến, và xuất khẩu cà phê Arabica sẽ dần chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng giá trị doanh thu từ thương mại và tỷ trọng đóng góp của cà phê Robusta sẽ có xu hướng giảm dần. Điều này là mục tiêu và kế hoạch chiến lược của Công ty trong mục tiêu nâng cao tỷ trọng xuất khẩu cà phê Arabica của Công ty trong tổng giá trị xuất khẩu cà phê Arabica của Việt Nam.

9 tháng đầu năm 2010, Công ty mẹ đã đạt được doanh thu là 1.610 tỷ đồng (hoàn thành 85% kế hoạch), lợi nhuận đạt hơn 31,5 tỷ đồng (hoàn thành 75% kế hoạch). Doanh thu hợp nhất 9 tháng đầu năm 2010 là 1.389 tỷ đồng (hoàn thành 34% kế hoạch), lợi nhuận hợp nhất đạt 62 tỷ đồng (hoàn thành 69% kế hoạch).

Trong Quý IV/2010, Công ty mẹ sẽ xuất khẩu khoảng 4.700 tấn cà phê sang thị trường Trung Quốc. Riêng trong tháng 12/2010 sẽ xuất khoảng hơn 6.000 tấn hàng thu mua tạm trữ theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng xuất hàng cho khách hàng đến tháng 5/2011 (chi tiết tại mục 6.8). Với mức giá đầu tháng 11/2010 Robusta khoảng 2.100 USD/tấn và Arabica khoảng 4.200 USD/tấn thì doanh thu Quý IV/2010 của Công ty mẹ ước tính đạt khoảng gần 150 tỷ đồng, lợi nhuận đạt khoảng 18 tỷ đồng. Doanh thu hợp nhất Quý IV/2010 ước đạt khoảng hơn 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất hơn 40 tỷ đồng. Theo đó, Công ty có thể không đạt được 100% kế hoạch doanh thu nhưng Công ty hoàn toàn có thể đạt được hoặc vượt kế hoạch về lợi nhuận năm 2010 đã đề ra.

Theo dự báo tại Việt Nam và trên thế giới, giá cà phê sẽ tiếp tục tăng cao ít nhất là đến hết niên vụ

cà phê 2010-2011 (tức Quý 1/2011) nên khả năng Công ty hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh năm 2010 là rất lớn.

Cùng với sự tăng trưởng về quy mô hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con, trong tương lai Công ty sẽ phải huy động vốn nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu đầu tư máy móc thiết bị, đầu tư vào các vùng nguyên liệu cà phê và cao su, tăng vốn góp vào các công ty con khi các công ty này có kế hoạch tăng vốn. Dự kiến khoảng năm 2012, Công ty sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi. Kế hoạch tăng vốn này sẽ được xây dựng phương án chi tiết căn cứ vào thực tế hoạt động kinh doanh và trình Đại hội cổ đông thông qua.

Hoạt động trồng cà phê cũng bắt đầu cho doanh thu từ năm 2011 và tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu của toàn Tập đoàn sẽ nâng lên đáng kể và hứa hẹn tăng trưởng mạnh vào các năm sau đó. Trong 3 năm tới, Công ty sẽ thực hiện giải ngân nhiều dòng tiền cho các dự án trồng và phát triển vùng trồng cà phê, đặc biệt là cà phê Arabica.

Bảng 40: Các dự án cà phê Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đang triển khai

TT	Tên dự án	Tổng số vốn đầu tư	Mô tả
1	Dự án chế biến cà phê hòa tan Lâm Đồng	550 tỷ đồng	Nằm trong tổ hợp gồm 4 nhà máy chế biến cà phê quả tươi, chế biến cà phê nhân, sản xuất cà phê hòa tan, sản xuất phân vi sinh. Công suất nhà máy đạt 120.000 tấn cà phê nhân, 2.000 tấn cà phê hòa tan, 20.000 tấn phân vi sinh. Nhà máy đặt tại thị trấn Đinh Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng. Nhà máy áp dụng công nghệ chế biến ướt hiện đại vì thế năng suất và chất lượng cà phê được nâng lên đáng kể.
2	Dự án liên hợp chế biến Sơn La	120 tỷ đồng	Chế biến cà phê quả tươi, cà phê nhân, sản xuất phân vi sinh và thức ăn chăn nuôi. - Công suất: 30.000 tấn cà phê nhân, 15.000 tấn phân vi sinh, 5.000 tấn thức ăn chăn nuôi. - Địa điểm: Mai Châu, Sơn La
3	Dự án mở rộng nhà máy chế biến cà phê Buôn Ma Thuột	10 triệu USD	Chế biến cà phê nhân Robusta, thực hiên nâng công suất từ 50.000 tấn lên 100.000 tấn. Địa điểm nhà máy đặt tại Trung tâm giao dịch cà phê Buôn Ma Thuột, ĐăkLăk
4	Dự án hệ thống xử lý môi trường trong chế biến cà phê	10 triệu USD	Xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho các nhà máy chế biên
5	Dự án cà phê Champasak	400 tỷ đồng	Trồng và xây dựng nhà máy chế biến cà phê Arabica với diện tích khoảng 3.000ha, công suất dự kiến khoảng 15.000 tấn cà phê nhân ở Paksong, Champasak, Lào

6	Dự án cà phê Điện Biên	400 tỷ đồng	Trồng cà phê và xây dựng nhà máy sản xuất phân vi sinh với diện tích 1.500ha. Ước tính sản lượng 15.000 tấn vi sinh hàng năm
7	Dự án cà phê Lào Sêpôn	500 tỷ đồng	Dự kiến trồng cà phê với diện tích khoảng 3.500ha

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa)

Ngoài các dự án liên quan đến cà phê nêu trên, Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam cũng đang đầu tư cho dự án trồng cây cao su tại Lào. Chi tiết về dự án này như sau:

- Tên dự án: Dự án đầu tư trồng mới 10.000ha cao su tại tỉnh Savanakhet – nước CHDCND Lào
- Tổng vốn đầu tư: 55.866.975 USD

Trong đó:

- *Vốn đầu tư XD vườn cây là: 43.301.875 USD*
- *Vốn đầu tư thiết bị, xây lắp và phát sinh khác là: 12.565.100 USD*

- Sản lượng cao su mủ nước khi dự án cho sản phẩm ổn định là 75.000 – 85.000 tấn/ năm tương đương 25.000 – 28.000 tấn mủ khô/ năm.
- Thời gian hoàn vốn đầu tư là 13 năm, tức là sau 6 năm khi có sản phẩm thu hoạch thì sẽ hoàn hết vốn đầu tư. Trong khi đó chu kỳ kinh doanh cây cao su là 25 –27 năm và chu kỳ kinh tế của cây cao su là 18-20 năm.
- Tạo việc làm cho gần 3.000 lao động mỗi năm khi vườn cao su đi vào cho khai thác sản phẩm.
- Trả tiền thuê đất hàng năm cho Lào là 100.000 USD/năm
- Nộp thuế cho địa phương khi dự án có sản phẩm ổn định là hơn 2.000.000 USD/ năm.
- Nếu sau 15 năm tính từ lúc trồng, chủ đầu tư không muốn khai thác vườn cây cao su thì có thể bán thanh lý vườn cây, căn cứ vào khối lượng gỗ thu được.
- Giá bán gỗ thanh lý tại vườn cây chưa qua chế biến: 300 m3 gỗ/ 1ha * 10.000 ha * 35 USD/ m3 = 105 triệu USD.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt

động kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là rất ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là có tính khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2010 -2013 có thể đảm bảo thực hiện được. Trên thực tế, tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông sẽ được thực hiện dựa trên quyết định tại Đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ măng tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Chứng khoán niêm yết : Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá : 10.000 VND (Mười nghìn đồng)/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết : 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) cổ phần.

4. Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:

4.1. Đối với cổ đông sáng lập

Theo khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập không được chuyển

nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 19/05/2008, do vậy hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập vẫn còn hiệu lực đến ngày 19/05/2011. Tổng số lượng cổ phần bị hạn chế của cổ đông sáng lập là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) cổ phần, tương ứng 350.000.000.000 (Ba trăm năm mươi tỷ) đồng, chiếm 63,63% Vốn điều lệ. (Thông tin chi tiết nêu tại mục 4.3)

4.2. Đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, Kế toán trưởng

Theo điều 9 Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ, mục d quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Như vậy, số cổ phiếu mà các thành viên nêu trên sở hữu hoặc làm đại diện sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cụ thể và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
Nguyễn Văn An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	22.750.000	22.750.000	11.375.000
Ngô Thị Hạnh	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.215.000	12.215.000	6.107.500
Hà Thị Kim Thoa	Thành viên HĐQT	3.000	3.000	1.500
Nguyễn Kim Tú	Thành viên HĐQT	2.000	2.000	1.000
Hoàng Thị Thu Dung	Trưởng Ban kiểm soát	2.000	2.000	1.000
Đan Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát	1.000	1.000	500
Ngô Thị Hiếu	Kế toán trưởng	2.000	2.000	1.000

Tổng cộng	**34.975.000**	**34.975.000**	**17.487.500**

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

5. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

  (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}^{(*)}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

(*) Không bao gồm nguồn kinh phí và các quỹ khác

- Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại các thời điểm như sau:

Bảng 41: Bảng tính giá trị sổ sách (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2009	30/09/2010
Vốn chủ sở hữu	Đồng	365.508.375.884	590.896.617.362
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	35.000.000	55.000.000
Giá trị sổ sách của cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	**10.443**	**10.744**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

Bảng 42: Bảng tính giá trị sổ sách (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2009	30/09/2010
Vốn chủ sở hữu	Đồng	359.597.968.499	598.582.322.827
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	35.000.000	55.000.000
Giá trị sổ sách của cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	**10.274**	**10.883**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2009 và 9T/2010 của CTCP Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam)

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán

Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/11/2010, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 10%.

7. Các loại thuế và ưu đãi đầu tư có liên quan

7.1. Đối với Công ty

7.1.1 Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7.1.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC "Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp" mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được.

Đối với mảng thương mại, Công ty chịu mức thuế suất thuế TNDN là 25%. Đối với mảng trồng cây và chế biến cà phê Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi. Do vùng trồng cà phê và nhà máy chế biến của Công ty chủ yếu thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn (CTCP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng – Tỉnh Điện Biên, Công ty TNHH Thái Hòa Quảng Trị - Tỉnh Quảng Trị, Công ty TNHH Thái Hòa Lâm Đồng – Tỉnh Lâm Đồng, CTCP Thái Hòa Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình, CTCP Thái Hòa Sơn La – Tỉnh Sơn La, Công ty TNHH Thái Hòa Nghệ An – Tỉnh Nghệ An) nên được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo kể từ ngày đi vào hoạt động. (Chủ yếu các dự án đi vào hoạt động trong các năm từ 2009-2011)

7.1.3 Thuế nhập khẩu máy móc thiết bị

Công ty được miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị tạo nên tài sản cố định tại các Công ty con.

7.1.4 Các ưu đãi đầu tư khác

Các công ty con của Tập đoàn Thái Hòa đều được miễn tiền thuê đất khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy trong thời gian từ 11-15 năm kể khi đi vào hoạt động (từ năm 2009-2011, tùy từng công ty).

7.2. Đối với các nhà đầu tư

7.2.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 đã đưa các nhà đầu tư cá nhân có các khoản thu nhập phát sinh từ kinh doanh chứng khoán vào đối tượng điều chỉnh. Cách xác định thuế thu nhập cá nhân (thuế TNCN) phải nộp của các đối tượng này được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 30/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 84/2008/TT-BTC.

7.2.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

- **Thu nhập từ cổ tức**: được miễn thuế TNDN *(Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008)*
- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, (ii) Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực, và (iii) Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam đóng thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN) trên phần chênh lệch giá khi chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại *Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008*.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, (ii) Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực, và

(iii) Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam phải đóng thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu theo quy định tại *Điểm 3 Mục III Phần B Thông tư 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.*

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương

Địa chỉ : Số 14 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84 - 4) 35730200 Fax: (84 - 4) 35771966

Website : www.apec.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)

Địa chỉ : 160 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 38689566

Fax : (84-4) 38686248

Website : www.kiemtoanava.com.vn

Email : ava@kiemtoanava.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
2. **Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết**
3. **Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và 8 tháng 2010**
4. **Phụ lục IV: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng; Danh sách những người có liên quan**
5. **Phụ lục V: Một số cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết**
6. **Các phụ lục khác**

Nội, ngày tháng năm 2010

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn An

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Hoàng Thị Thu Dung **Ngô Thị Hiếu**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Vũ Cẩm La Hương